

xây dựng mới

NGUYỆT SAN
VĂN - HÓA
MỸ - THUẬT
KIẾN - TRÚC





TÔN MÙI (Plaques ondulées)

không han, không hư, không cháy, không nóng. Mái nhà lợp bằng tôn múi « Eternit » rất hợp với những xưởng kỹ-nghệ và nông nghiệp.

— Tôn múi lợp đỡ tốn vì nhẹ (sườn nhà cũng chỉ dùng gỗ nhẹ) vì dễ lợp và vì không mất công tu bổ.

ỐNG NƯỚC — ỐNG KHÓI — ỐNG HƠI (Conduits de fumées, tuyaux de descente) — Bền, không han, không hư, mát trong ống rất nhanh nên không đọng nước mưa, ống có đủ các cỡ hết sức nhỏ.



Eternit

Dai lý độc quyền trên
toàn cõi Việt-Nam

**L'UNION COMMERCIALE
INDOCHINOISE & AFRICAINE**

(L'U.C.I.A.)

35, Đại lộ NGUYỄN HUỆ
SAIGON



ĐẠI-LÝ CÁC TỈNH

L'U.C.I.A. Đà Nẵng : số 33, đại lộ Độc Lập,

L'U.C.I.A. Nha Trang : số 46, đại lộ Độc Lập.

L'U.C.I.A. Qui-Nhơn : góc đường Trần Cao-Vân và bến Bạch Đằng,

L'U.C.I.A. Phong-Dinh : số 2, đường Lê văn Duyệt



VIỆT - ĐIỀU CÔNG - TY

MỘT NHU CẦU TẤT YẾU CỦA NHƠN DÂN

Ở đồng bãi không xuống, ghe, thì thịt và muối mắm không có để ăn, dầu lửa, hộp quẹt không có để dùng. Không thể chờ mọ mọng để cấy, lúi lúa về sân.

Xuống ghe không chai trét không còn làm việc gì được.

Vì biết nhu cầu cốt yếu của nhơn dân, Hãng ALBATROS (VIỆT-ĐIỀU CÔNG-TY) sản-xuất thứ chai VIỆT-ĐIỀU hảo hạng. Nấu bằng dầu gỗ sặt, chế luyện kỹ lưỡng, nhồi bằng máy móc tối tân, khác một trời một vực với thứ chai gói khác nấu bằng dầu hắc, chai búi trét vô ít ngày tróc hết. Chai VIỆT-ĐIỀU gói bằng nylon, có những đặc tính: nhuyễn, bền, không tróc, không nứt. Chai VIỆT-ĐIỀU không những trét xuống, gáo, máng xối, quần giày điện, mà còn trét ghe lớn, ghe chài rất tốt.

Sơn và chai VIỆT-ĐIỀU không thủ lợi một cách bất chính, mà trái lại: vì dân, do dân, theo 2 đặc điểm ấy sản-xuất.

HÃNG SƠN ALBATROS
VIỆT-ĐIỀU CÔNG-TY



ALBATROS

CHAI TRÉT GHE

VĂN-PHÔNG THƯƠNG-MÃI

XUỞNG CHẾ-TẠO

180 - 182, Lê-thành-Tôn (Saigon)

Trương-M-Giăng (Phủ-nhận)

GẠCH BÔNG NGÓI PHÚ-HỮU

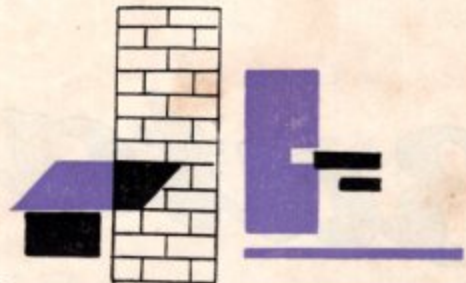
PHÚ-HỮU
GIẢI NHẤT HỘI
CHỢ MẠC-XÂY



- ② Cung cấp lợp hàng vạn mái nhà bị cháy 1951.
- ② Các Bộ Công - Chánh Kiến - Thiết lợp hàng ngàn mái nhà tại các công trường. . .

CƯ-XÁ TUILPHUHUU:
BÁN PHỐ ĐẤT GIÁ RẺ,
TRẢ DỄ DÀNG, MỸ-
THUẬT VÀ CHẮC CHẴN.

XUỞNG: 1, PHÂN-CHÂU-TRINH, GIẢI-ĐÌNH, Đ.T. 20.715
ĐÔNG PHỦ - PHÚ HỮU CẦN THƠ
HÃNG 130, ĐƯỜNG PASTEUR, SAIGON



M.V. VUI

lê-quang BỬU

THẦU KHOẢN KIẾN TRÚC

12, ĐẠI LỘ LÊ-LỢI - SAIGON
(Tùng Lầu nhĩ, số 202) Đ.T. : 23.754



**ĐIỀU
THUỐC**



VIRGINIE

Giày

Bata

Tốt hơn hết!

ĐỒNG ĐÀ

22, 24 Đại lộ NGUYỄN-HUỆ
SAIGON — VIỆT-NAM

Với những chuyên viên đầy đủ kinh-
nghiệm và lương tâm nhà nghề Đ.Đ. là:

**Quán ảnh tín nhiệm nhất của
quí vị về mọi phương diện**

NHIẾP ẢNH MỸ THUẬT
ĐIỆN ẢNH TÀI TỬ

NHÀ SÁCH

PHÚC-THÀNH

58, ĐẠI-LỘ LÊ-LỢI — SAIGON

DIỆN THOẠI : 23.738

☆ SÁCH CÁC BẠC TIỂU, TRUNG HỌC VIỆT VÀ PHÁP	☆ CÁC LOẠI SÁCH — CHUYÊN MÔN — KHẢO CỨU — NGOẠI NGỮ
---	--

H.K.V.

MỸ SẮC VIỆN

của Bà MADON

**CHUYÊN DÙNG MÁY TỐI TÂN
ĐỀ TRAU DỒI SẮC ĐẸP**

- ② Máy SEBASPIR đề hút mụn tuyệt
gốc trứng cá, mụn thâm đen, mụn bọc.
- ② Máy xoa bóp làm ngực nở nang.
- ② Máy xoa nắn vóc mình thon lại.

13, Đại-lộ Nguyễn-Huệ (Lầu nhất) SAIGON



CALTEX (Asia) LIMITED

3, Đường Võ Di Nguy — SAIGON

Tél. 21.942

CALTEX ASPHALT

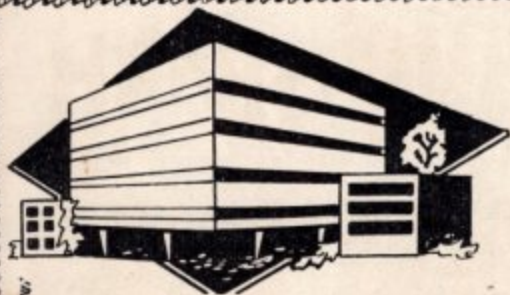


TẤT CẢ NHỮNG
 • CÔNG TÁC
 • XÂY DỰNG
 • CÔNG HAY TƯ

HÀNG THẦU KHOẢN KIẾN TRÚC

NGUYỄN VĂN ĐẠI

10, Đường TRƯƠNG-QUỐC-DỤNG
 (PHỦ - NHUẬN) SAIGON



**ĐỖ
 VĂN
 XÊ**

THẦU KHOẢN KIẾN TRÚC

65, Lê Văn Duyệt — PHONG ĐỊNH (Cần Thơ)

XỔ SỐ KIẾN - THIẾT

Bắt đầu từ tuần lễ thứ hai tháng 7-1958,
 Xổ Số Kiến - Thiết phát - hành mỗi tuần
 một loại và ghi số A. B. C. D. v. v... trong
 một tháng. Mỗi loại có 1.000.000 vé đánh
 số từ 000.000 đến 999.999.

Các lô trúng được phân-phối như sau :

10.000 lô	100 \$	=	1.000.000\$00
1.000 —	500	=	500.000.00
1.000 —	1.000	=	1.000.000.00
200 —	5.000	=	1.000.000.00
60 —	10.000	=	600.000.00
5 —	50.000	=	250.000.00
5 —	100.000	=	500.000.00
1 —	1.000.000	=	1.000.000.00
54 lô an ủi	2.000	=	108.000.00

12.325 lô trúng số tiền là :..... 5.958.000\$00

XÂY DỰNG MỚI

NGUYỆT-SAN MỸ-THUẬT
KỸ-THUẬT KIẾN-TRÚC

Tòa soạn và Trị sự :

60, Đoàn-thị-Điền — Saigon

Điện Thoại Saigon 004

CHỦ-NHIỆM
HOÀNG HÙNG

BAN BIÊN TẬP :

HỒ-ĐẮC-CÁO — LÊ-VĂN-CẦU
PHẠM-KHÁNH-CHỦ — BẠCH-VĂN-CHỰ
— ĐÀO-TRỌNG-CƯƠNG
NGUYỄN-BÁ-CHÍ — VĨNH-DỰ
VŨ-BÁ-ĐÌNH — ĐỖ-THỨC-ĐÌNH
NGUYỄN GIA-ĐỨC — NGUYỄN-
DUY-ĐỨC — NGUYỄN-VĂN-HOA
TRƯƠNG-NGỌC-HOA — VŨ-ĐÌNH-
HÓA — PHẠM-GIA-HIẾN — NGUYỄN-
ĐĂNG-LINH — HUỖNH-VĂN-NHU
NGUYỄN-HỮU-PHAN — LÊ-VĂN-
SIÊU — VÕ-VĂN-TẦN — NGUYỄN-
HỮU-THIỆN — NGUYỄN-THỤY
TRẦN-TRỌNG-TOÀN — BÙI-VĂN-
TRỌNG — ĐỖ-BÁ-VINH — TRẦN-
QUANG-YẾN



HÀNH-CHÁNH KẾ-TOÁN :

BÙI-QUANG-UYỀN
NGUYỄN-VĂN-PHỤNG

PHÁP-LUẬT :

BÙI-QUANG-KHÁNH
PHẠM-BÍCH-TUỆ



Bài vở gửi : **VÕ-ĐỨC-DIÊN**

Ngân-Phiếu đề : **NG.-VĂN-PHỤNG**

Trình bày : **VĂN-THANH**

SỐ 4 — THÁNG MƯỜI 1958



GIANG SƠN

Gắm vóc



ỚT giải Giang-Sơn như hoa như gắm, bàng bạc anh hồn các vị hiền liệt sĩ và thấm-đượm mồ-hôi nước mắt của bao tuần-kiệt anh-hùng!

Một gốc núi, một bến sông, một gốc cây, một hốc đá..., bao nhiêu di là bấy nhiêu ngày lịch-sử, và bao nhiêu ngày lịch-sử là bấy nhiêu lao vun đắp nền nền móng vững trãi của Quốc-gia.

Có dịp lắng lòng mình xuống chiêm ngưỡng nền móng ấy ở mọi cảnh trong nước thì mới hiểu thấm thía được tất cả cái thiêng-liêng của từ Giang-Sơn Gắm-Vóc.

Và khi đã hiểu thì tự-nhiên sẽ nhận định ra còn có cái gì hơn là gắm-vóc. Bởi gắm-vóc chỉ hàm nghĩa của cái đẹp, chưa nói hết được nghĩa của cái hùng; chỉ tỏ lộ cái sang mà chưa bày hết được khía cạnh tâm tình của cha ông đã thương xót con cháu gây dựng nên cơ đồ này.

Cho nên thỉnh-thoảng ta cũng nên đi ra khỏi nhà, đến những nơi danh lam thắng cảnh để tâm gột linh hồn mình trong hương màu của Đất Nước, và để cho lòng mình, khi có dịp một việc gì, sẽ chân thành hơn lên, cho xứng đáng với công nghiệp và lòng mong đợi của cha ông.

Ta sẽ thấy run tay khi phá-phách một di-sản văn hóa. Ta sẽ thấy hùng-hực một lễ hội thiêng khi bồi đắp thêm vào quá khứ rõ ràng. Ta sẽ thấy vững tin ở tương-lai khi ý thức được sự truyền tiếp sinh lực của quá khứ vào hiện tại. Và, quan hệ hơn nữa, ta sẽ thấy kết nối nỗi tủi thẹn khi tự xét đã xứng đáng là một người con dân trong một nước văn hiến.

Giang-Sơn của ta đẹp để đến thế nào! tiếc thay người Việt-Cộng, trong một lúc quá nóng, đã đi nghe người ngoài mà đang tay cắt đứt ra ở nơi vĩ-tuyến 17, và đã chỉ vào chính-trị nhất thời quên công-nghiệp cha ông để đang tay phá hủy di sản văn hóa cũ.

Dầu biên giới Bến-Hải chẳng ai mong nó lồi tại lâu dài, và dầu lúc này chưa thể đi viếng những cảnh vật ở miền Bắc vĩ-tuyến 17, không rõ nó đã bị hư hoại đến đâu, riêng miền Nam dưới Chính-thể Cộng-Hòa do NGỒ TỔNG THỐNG lãnh đạo, ta đã có thể thấy một công phu vun đắp cho gốc rễ ở các di-tích lịch sử và ở các danh lam thắng cảnh.

Ta tin rằng công phu tài bồi ấy của thể hệ XÂY DỰNG MỚI sẽ có một ngày sinh kết trái, để giải giang-sơn của ta mỗi ngày một thêm những hoa gắm đủ màu, và mỗi các con dân lại cố gắng thêm để đem lại cho dân tộc, cái vẻ huy-hoàng nghìn thu cũ.

Hoang Thung



Dõi theo CUỘC NAM-TIẾN



ÁC tình Trung-Việt từ Phan-Thiết tới Huế, in hình cánh cung trên bờ biển Thái-Bình-Dương, vốn xưa kia thuộc lãnh-thô của nước Lâm-Áp (hay Chiêm-Thành).

Trước nữa, theo tài liệu lịch-sử cũ, là thuộc lãnh-thô của nước Hồ-Tôn. Rõ ràng chính phủ Hồ-Tôn là Lâm-Áp. Các nhà khảo cổ sử học không thấy dấu vết gì của Chiêm-Thành trên cổ vật tìm thấy tại SA-HUỖNH (thuộc Quảng-Ngãi) đều đã ngỡ rằng: trước khi Chiêm-Thành lập quốc (khoảng năm 192) đã có một nước khác Chiêm-Thành tiêu-diệt.

Điều đó chúng ta sẽ xem xét những tài liệu tiền sử trong bài: Cổ vật SA-HUỖNH.

Nhưng ở đây, vì lịch-sử của ta liên quan nhiều đến lịch-sử Chiêm-Thành, ta cắt bớt để chỉ xét các sự kiện lịch-sử từ ngày có nước Lâm-Áp ấy.

Lâm-Áp là một nước từng đã có hồi oai hùng, để lăm le xâm lăng nước ta ở miền Bắc, cũng như đã có hồi đem binh đánh sang Vạn-Tượng, Phù-Nam.

Lãnh-thô của nước ấy (nhất là chỗ cửa bể Đà-Nẵng bây giờ), rất tiện cho thuyền buồm từ phương bắc theo gió giạt vào. Nên luôn luôn nó đã là một mối lo ngại cho các nhà quân-sự của ta. Hồi quân Mông-Cổ xâm lăng nước ta, thế kỷ thứ 13, Thoát-Hoan đã đi đường bộ đánh từ mạn Chi-Lăng xuống, để Toa-Đô đi đường thủy đánh từ mạn Chiêm-Thành lên, theo thế gọng kìm. Bởi có việc ấy, mà đứng về mặt quân-sự cái lẽ sống còn và cái thế tự vệ hiệu lực nhất của ta là kiểm soát được Chiêm-Thành ở phía Nam thì mới mong đương cự được kẻ thù là Mông-Cổ ở phía Bắc.

Gia dĩ, dân Chiêm là một dân thiện về thủy chiến lại ở trên giải đất như hình tấm hành-lang nhô ra để đón mọi ngọn gió, từ Tam-Đảo Phù-Tang thổi xuống, cũng như từ Nam-Dương thổi lên, giải đất ấy đã luôn luôn làm mối cho bão táp khiến mùa-màng thất bát là thường. Cho nên, vì nạn đói đe dọa thường xuyên, người dân Chiêm đã

hiếu chiến để không đi đánh phá Thủy Chân-Lạp thì lại đi đánh phá Giao-Châu.

Ngay từ hồi mới lập quốc, Khu-Liên đã chiếm Hoành-Sơn của ta thuộc quận Nhật-Nam Cửu-Chân, để năm Kỷ-Hợi



(399) lại đánh ra tận Giao-Châu và năm Quý-Dậu (433) còn cho sứ qua Tàu xin lãnh đất Giao-Châu để cai trị.

Nếu sức chống cự của ta chẳng dẻo dai thì chính ta đã bị Chiêm-Thành tiêu diệt từ lâu rồi, không đợi cho thế cờ đổi ngược hẳn lại, là ta thì tồn tại còn Chiêm-Thành thì suy tàn.

Nhìn vào những cổ vật còn lại của họ, ta bực mình vào sống trong khoảng thời gian cường thịnh của họ, với những tháp đồ sộ bằng gạch nung màu đỏ rực, in trên nền trời xanh ngắt, giữa cảnh rừng núi hùng vĩ trang nghiêm, với những đàn voi mà họ chở nặng được để kéo những tảng đá lớn bằng cả một ngôi nhà, từ núi qua đèo, qua lạch, lên đỉnh đồi cao mà đục chạm thành tượng,



THÁP CHÂM BÌNH-DINH

Ảnh của Nguyễn-Đức-Hùng

CỦA DÂN-TỘC TA

Bài của LÊ-VĂN-SIÊU

ta phải giết mình sợ hãi mà bái phục cha ông ta quả đã gian khổ vô cùng mới lẻ được gót chân từ miền Bắc xa xôi tới miền Nam Trung-Việt này. Người ta thương lắm mà nghĩ rằng: vì ta đất hẹp người đông, miền Bắc lại thiếu gạo ăn nên đã phải Nam tiến. Đó là tại người ta nhìn theo sự hiểu biết của bây giờ, tưởng sự Nam tiến cũ cũng giống như sự xâm chiếm thuộc địa của các cường quốc Âu-Châu mới. Sự thực đã khác hẳn.

Vua LÊ ĐẠI-HÀNH (980-1005) phải đem binh đánh Chiêm là vì Chiêm đã ngược ngạo bắt giam sứ của nhà vua khi nhà vua cho sứ qua thông hiếu.

VUA LÝ THÁI TÔNG (1028-1054) phải ngự giá binh Chiêm năm 1044 là vì 15 năm Chiêm không thông sứ và cứ

VIET NAM



CHẠM LẠP

quấy nhiễu ở mặt bể. Khi thắng trận, vua đã nhân từ cấm không cho quan quân giết hại người bản xứ. Và khi công-chúa Mị-Ê bị bắt không chịu sang châu ở thuyền ngự đã nhảy xuống sông Lý-Nhân tự vẫn cho trọn tiết, thì nhà vua đã cho lập đền thờ (hiện nay hãy còn). Và 5.000 tù binh Chiêm đưa về Thăng-Long được vua ban cho ruộng đất để lập thành phường ấp mà làm ăn. (Hiện còn vết tích ở Vĩnh-Tuy phía Đông-Nam Hà-Nội, ở Nhật Tảo gần Tây-hồ).

CHAM LAP

DỐI THEO CUỘC NAM TIẾN

của Dân tộc ta

(Tiếp theo trang 9)



Tháp Chăm Quir Nhon

Vua LÝ THÀNH-TÔNG (1054-1072) cũng phải ngự giá bình Chiêm là vì không chịu nổi sự quấy nhiễu của họ. Vua đã bắt được Chế-Cử, rồi lại tha cho về làm vua Chiêm-Thành như cũ. Để trả ơn ấy, Chế-Cử đã dâng ba châu: Địa-Lý, Bố-chính, Ma-Linh (nay là Quảng-Bình, Quảng-Trị). Vua đã nhận, nhưng từ năm 1069 tới 1075 vẫn chưa cho người tới ở. Phải đợi đến năm 1076, khi sửa soạn đánh Tống ở Phía Bắc (1076) cần phải vững dạ ở phía Nam, Lý Thường-Kiệt đã vẽ xong

địa đồ ba châu ấy, rồi mới cho người qua làm ăn sinh sống.

Chứng tỏ : ta đã không thiếu gạo và không thừa người để hăm hở đi xâm chiếm « thuộc địa ». Mà đây chỉ là một sự trừng phạt của nước dân anh đối với nước dân em ngỗ ngược theo truyền thống văn hiến Á-Đông. Trừng phạt rồi, lại để người ta tự chủ trong nước của người ta, miễn đừng tiếp tay với kẻ thù của mình để đâm vào sau lưng mình, và miễn hàng năm thông sứ để tỏ dấu hiệu hòa hiếu.

Một chứng cứ rõ ràng hơn nữa là khi Chế-Chí hay phản trắc, Vua TRẦN ANH-TÔNG (1293-1314) đã ngự giá thân chinh năm 1311. Vua đã bắt được Chế-Chí, nhưng không chiếm đất Chiêm-Thành, mà đã phong cho em Chế-Chí là Chế-Đà A-Bà lên làm Vua, còn Chí thì đem về Thăng-Long phong làm Hiệu Thuận Vương, cho đến lúc chết ở Gia-Lâm thì lại được vua cho hỏa táng tử tế.

Đối với những cái ơn lớn như trời bể ấy, và đối với thái độ quân tử hòa nhã ấy của vua Việt, nếu người Chiêm hiểu biết và không kém khiêu thích ứng hoàn cảnh, thì làm gì mà tình lẫn quốc không bền vững mãi mãi, có khi đến ngày nay cũng nên. Nhưng bởi cuối đời Trần, Chế-Bồng-Nga đã tỏ ra vô cùng ngang ngạnh : nào đòi đất Hóa-Châu (1368) do Chế-Mân dâng làm lễ cưới Huyền-trần công-chúa từ 1306, nào vây quân Trần Duệ-Tông trong thành

Đồ-Bàn đến Duệ-Tông phải chết (1377), nào phá Thăng-Long (1377), nào đánh Nghệ-An rồi lại đánh phá Thăng-Long nữa (1378), nào tiến binh ra tận Quảng-Oai, Sơn-Tây (1383), nào lại đánh Thanh-Hóa (1389) v.v...

Trong dịp quật khởi ấy của Chế-Bồng-Nga, ta tưởng tượng trên con đường quân Chiêm đi qua, đã có bao nhiêu mạng người Việt thác oan.

Cho nên, đến Hồ-Quý-Ly (1402) Vua Chiêm dâng đất Chiêm-dộng (Quảng Nam) Hồ-Quý-Ly bắt dâng nốt Cồ-lũy (Quảng-Ngãi), rồi cho người vào khai khẩn ngay để lập thế vững bền, rồi lại đắp đường thiên lý từ Tây-Đô đến Chiêm-Hóa cho tiện lối dùng binh, để lại đánh vào tận Đồ-Bàn nữa.

Xin chờ vội tưởng Hồ-Quý-Ly đã xử sự khác các đời vua trước và đã có óc đế quốc thực dân. Đó là một sự bó buộc. Bởi lúc ấy ngoài thì quân Minh sắp tràn qua, trong thì vua Chiêm dâng đất nhưng lại rút hết quân dân đi vào sâu trong núi, không rõ để làm gì. Nếu không có dân quân đến ở ngay để giữ vững hậu quân thì tránh sao khỏi một cuộc liên minh giữa quân Minh và Chiêm thành để kẹp ta vào giữa ?

Người Chiêm rút về rừng núi theo truyền thống cổ hữu của dân du mục, và dựa trên sức mạnh của voi, đã vô tình bỏ muối ở bờ bể và gạo ở đồng ruộng là hai sản vật căn bản của cuộc sống. Còn người Việt nông dân, nhờ kinh nghiệm của Lý-Thường-Kiệt đánh Lào và bày thế cho voi sa hố, người Việt đã giữ đồng bằng và ven biển mà không sợ voi. Khiến cuộc sống thiếu thốn của Chiêm cùng với nước độc, muối độc đã làm cho dân Chiêm không sinh đẻ được nhiều và cứ thế mà cần cỗi.



CẦU-BỐNG NHA-TRANG

Ảnh Nguyễn Đức Hồng



MỘT BÀ GIÀ CHĂM

Và khi vào rừng sâu như vậy, rừng cũng lại không phải hoàn toàn của Chiêm, mà chính rừng lại là của những dân Rhadé, Giarai v.v... (bây giờ ta gọi chung là đồng bào thượng) những dân ấy có lẽ đã lập đô ấp ở vùng núi Sơn-Hà và có lẽ đã có một nền văn minh tìm thấy nơi những cổ vật Sa-Huỳnh và đã bị người Chiêm đuổi vào núi từ trước. Bây giờ gặp lại nhau, cổ nhiên là cuộc sung sát lại phải diễn ra.

Vì đó, và còn vì cái thể của Chiêm không sản xuất được cho đủ ăn, đã phải đi cướp phá ở các lân bang khiến các lân bang khác sang xâm chiếm lại.

Sử còn ghi: năm 774 là cuộc xâm lấn của Mã-Lai vào tận Kauthara (Nha-trang bây giờ), phá tan Tháp Bà Poh Nagar, để sau vua Chiêm lại xây lại năm 784.

Năm 945-946 là cuộc xâm lấn của Cao-Miên cũng vào tới Kauthara, cướp mất tượng bằng vàng trong Tháp Bà, để vua sau trùng tu lại tháp mà thay vào bằng một tượng đá (nay hãy còn).

Năm 1145 đến 1149 là sự chiếm-cứ tất cả miền nam Chiêm Thành của quân Cao-Miên.

Năm 1220-1257 lại là một cuộc chiếm cứ nữa của quân Cao-Miên tại khắp miền nam Chiêm Thành ấy.

Như vậy, rõ ràng là ở khắp bốn phía, Chiêm Thành đã tự gây kẻ thù để khiêu khích cho cả bốn phía đem quân đến đánh. Sức chịu đựng của Chiêm vì đó bị tiêu mòn đến thất vọng.

(Xem tiếp trang 12)

Những

CỔ VẬT SA-HUỖNH

Bài của HỒ ĐẮC CẢO

Ít người chú ý tới những cổ vật này đã có từ thời tiền sử, không giống với bất cứ cổ vật nào đã tìm thấy ở khắp các nước, chừng tỏ đã có một dân tộc sống tại vùng Quảng-Nam, Quảng-Ngãi từ trước khi Chiêm Thành lập quốc. Dân tộc ấy hiện còn sót lại người nào chăng?



ỪNG Sa-huỳnh bây giờ người ta đi qua bằng xe hơi hay bằng xe lửa, chỉ thấy là một khu có ruộng muối. Nhưng vùng ấy đã hết sức quan trọng cho các nhà sử học của ta để ý nghiên-cứu, vì người ta đã thấy tại đó những cổ vật của thời tiền sử.

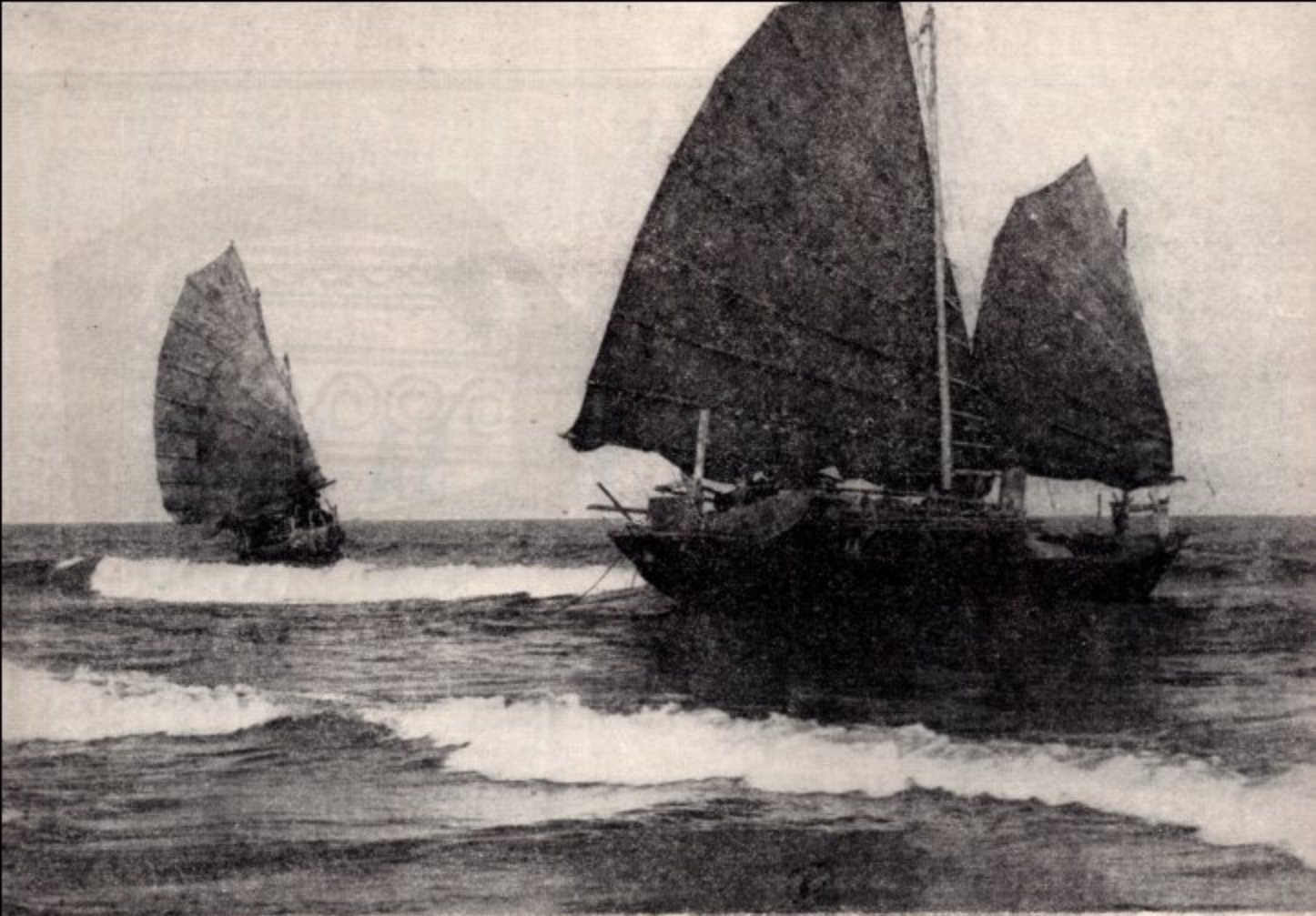
Hồi 1909, một Ông chánh Đoan người Pháp tên là VINET nhờ đã tòng sự tại Sa-Huỳnh nên đã ra bãi biển lang thang trên những đụn cát mà tình cờ tìm thấy chôn vùi trong cát, một kho tàng lớn bằng đồ hồng mã nào với những vòng tai bằng những chất trong như thủy tinh. Những đồ ấy chứa trong những nôi đất, chôn và xếp đất gần nhau, nhiều chừng 120 cái, tại địa-phần làng Thành-Đức Huyện Đức-Phổ (thường có tên nữa là Thành-cư, Long-thành).

Đến hồi 1923 bà vợ Ông chánh Đoan khác, bà LABANE, lại tìm thấy một kho tàng nữa ở 5, 6 cây số về phía Bắc làng Phú-Khương (tức Phú-Cổ). Chỗ này có chừng 200 cái nôi bằng đất đen, trong chứa một ít nông cụ sắt, một vòng tai bằng đồng đen, những hoa tai, những hạt hồng mã nào và 24 cục ngọc trân châu trong riêng một cái nôi.

Kho tàng này ở trên ngọn đụn cát nằm dọc bờ bể theo hướng Bắc Nam và vòng một cánh tay ra bể đến ngay phía Đông làng Phú-Khương.

Còn kho Thành-Đức trước, choán khoảng rộng chừng 50x80m cũng trong đụn cát, giữa khu có cục đá trạm với hòn núi ở ngay bờ biển.

(Xem tiếp trang 27)



BÀI BIÊN PHAN-THIỆT

Ảnh Phạm-văn-Múi

DÕI THEO CUỘC NAM TIẾN

(Tiếp theo trang 11)

Sức chịu đựng trên đà thất vọng ấy tình cờ lại đã gặp cái dẻo dai và kiên nhẫn vô cùng của người Việt. Đó chẳng phải là cuộc tranh chấp của văn minh Trung-Hoa và văn minh Ấn-Độ như Coedès và các nhà cổ sử học Pháp đã đề quyết một cách quá độc đoán.

Sự thờ phụng khác nhau ở Á-Đông, nhất là Việt-Nam, không bao giờ khiến gây thành cuộc chiến tranh tôn giáo. Người Việt chưa vào sâu Chiêm Thành đã thờ Mị-Ê. Khi vào sâu rồi đã đến lễ

bái ở Tháp Bà như ở tất cả các đền đài khác của mình.

Lễ lối sống khác nhau, kỹ thuật khác nhau cũng vậy. Chúng ta chỉ có thể nói rằng trong cuộc sống chung giữa Chiêm và Việt, vô đồng đã gặp mưu trí, nóng nảy đã gặp kiên trì, nên lẽ tất yếu của lịch sử là văn minh du mục đã phải lùi bước.

Người dân Việt khi Nam tiến đã vai vác cây, tay dắt trâu, lăm lăm lì lì đi, một bên là vợ, với một gánh nôi chiếu

chăn màn, có khi là con nhỏ ; một bên là con lớn với cần câu, cuốc, thường v.v... người dân Việt ấy bám chân được trên một mảnh đất nào thì bắt rễ liền ngay trên mảnh đất ấy, đề rõ mồ hôi ra, làm cho đất sinh sôi nảy nở theo ý của mình, và đề nhuốm cái tình chan-chứa của mình vào đất ấy, cho nó phải có cái gì kêu gọi lại luôn luôn nơi mình thoát cất bước ra đi.

Từ duệ-hiệu của vị Thành-hoàng làng cũ, đến hàng rào tre quanh xóm, đến cổng làng, đến tên làng, đến ao cá vườn cau, đến cái rổ cái rá, cái cối cái chày v.v... tất cả, người dân Việt đến đâu lại tạo ra đến đó, để được sống trong thân mật với những lễ thói đã thành một bản thể thứ hai.

Ta đến Ninh-Hòa khoảng còn 50 km đến Tuy-Hòa, thấy những hàng rào tre mờ, những mái tranh, những ruộng lúa, đường làng với gò mả, trâu bò, thì ta thấy rõ đó đã là cả một cánh đồng Bắc-Việt mà người Việt đã khiêng đến tự bao giờ.

Và ta đến Huế, trong cái nóng hầm-hập của buổi trưa hè im lặng, ta nghe câu hát ru em trong xóm lá vọng ra :

Hồ-ơ... chiều chiều ra đứng ngõ sâu,
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều...

Ta cảm thấy cái tình quê hương của người Việt nó mời nồng nàn thấm thiết làm sao !

L.V.S.



NHÀ Ở THÔN QUÊ BÌNH ĐỊNH

Bài của VĂN-THANH

BÌNH-ĐỊNH sẵn tre more ở những nơi khác, nhất là hơn miền Nam, thường chỉ có nhiều tre gai. Lại có nhiều cỏ tranh dài, nhiều đất sét tốt, cũng như sẵn có nhiều kinh nghiệm và bàn tay khéo léo của dân chúng địa phương.

Khi đã quen nhìn những nhà lá ở các miền thôn quê khác, người ta đến Bình-Định, nhìn nhà lá vách đất của Bình-Định thì ai cũng phải lấy làm ngạc nhiên.

Vách đất phẳng và nhẵn như tờ hồ xi măng. Góc nhà vuông vắn và ngay ngắn tưởng như xây bằng gạch. Lại những cửa sổ không có khung gỗ, lấy đất làm khung, những cửa ấy khi thì tròn có cái hoa hay chữ thọ, khi thì vuông có chấn song, khi thì nguyệt góc đều đặn như trên bức vẽ.

Mái cao và dốc nhiều đến trên 45 độ, cỏ tranh vàng và lông lánh, nuốt nà, dưới ánh mặt trời, trông dịu mắt như nhìn vào tấm thảm. Mái lại làm hơi uốn góc cho có đao mái đưa lên, không cong vòng ra về cầu kỳ, cũng không đơn giản quá ra chiều lơ đãng. Giọt ranh xén ngay ngắn quá sức, không kém gì mái ngói.

Mái ấy lại không làm đơn giản chỉ có hai mái hai bên với cánh gà. Mái ấy lại thường làm bốn mái hàng hoàng với đề hồ một chút đầu hồi cân đối. Và nhà ngang, lại thêm dãy dọc, thêm nhà cầu, mái ấy đã gối vào nhau có góc có cạnh, thoáng trông, thấy như những biệt thự con con.

Nền nhà bằng đất nện cũng rất phẳng phiu ngay ngắn.

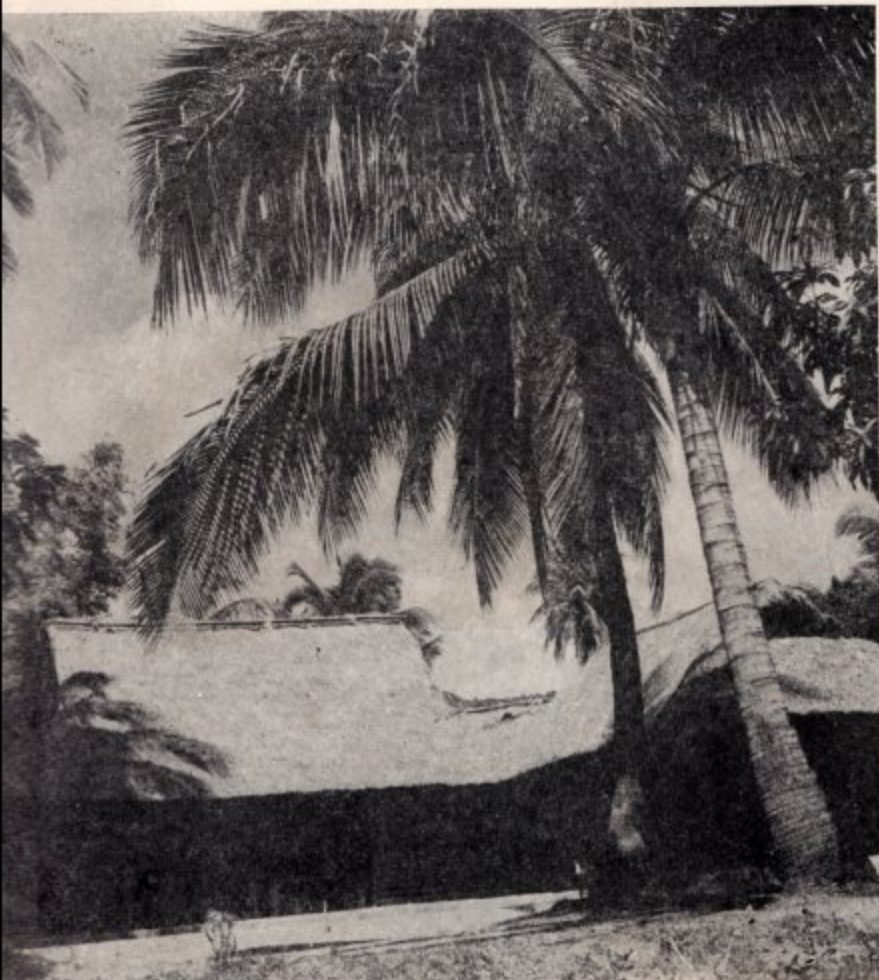
Nếu lại nhìn kỹ vào chi tiết xây dựng, ta sẽ thấy những phen đan bằng tre có cái hoa đặt trên những cánh gà ở đầu kèo, nó óng chuốt như đồ chạm và nó đều đặn ngay ngắn như vẽ trên giấy lụa.

Và nếu bước chân vào trong nhà, ta sẽ còn phải ngạc nhiên hơn, khi thấy có sân con đón nước mưa trên mái lá, có đá ong xây viền sân với ống cống dẫn nước, có cửa sổ, có gian riêng làm bếp, gian riêng chứa các nông sản, gian riêng để nằm ngồi, ăn uống, tiếp khách, đặt bàn thờ.

Trông vào nhà ở, thực đã thấy ngay tinh thần trật tự, óc tổ chức, khiếu mỹ thuật của người dân quê Bình-Định.

Nếu lại ngửa nhìn trên mái nhà, ta sẽ thấy những nút lạt buộc những thanh rui bằng tre đều tăm tắp, tưởng sự như phải làm trần đề che mất những nút lạt ấy đi thì ường quá.

Sở dĩ mái nhà trông bề ngoài, được nuốt nà phẳng phiu như lợp bằng cả một mảng mái nguyên vẹn, cũng là nhờ có cái sườn bên trong chính nó đã phẳng phiu rồi.



NHÀ Ở THÔN QUÊ BÌNH-ĐỊNH

(Xem trang 14)



NHÀ Ở THÔN QUÊ BÌNH ĐỊNH

(Tiếp theo trang 13)

Và những vách đất vuông thành sắc cạnh như xây gạch tô hồ, hình cũng đã nhờ cái sườn bên trong bằng tre ngay ngắn hết sức. Vườn này, địa phương có tên riêng là mầm trĩ. Đó là những thân cây tre già, chôn đứng từ dưới đất lên để buộc những nan tre, ngang giọc hư tấm đan mắt cáo, mỗi mắt vuông độ một tấc tây. Sau khi vách đã vững xong, kiểm soát thực ngay ngắn, bấy giờ mới lấy rơm trộn đất sét nhien mà chét vào, như ở các nơi khác người ta làm trần vậy. Đợi cho lượt đất ấy thực khô và bám thực cứng vào những thanh tre, người ta mới lấy đất sét hòa nước mà dùng bàn xoa, miết lên trên mặt đất. Những lỗ hồng dù nhỏ mấy cũng được lấp đi. Những chỗ bị lõm dù chỉ hơi một chút cũng được nắn lại ngay ngắn và bằng phẳng. Miết hai ba lần như thế, sờ vào thấy thực nhẵn như mặt bàn. Nếu để khô quét vôi đi, thì đó ai dám bảo là tường bằng đất.

Một điều đáng chú ý là vách này thường đã không làm đặc như ở thôn quê miền Bắc, mà đã làm rỗng giữa. Bao nhiêu thân cây tre ở giữa của mầm trĩ đã được lượt nan tre và đất rơm phủ kín không trông thấy nữa. Thành ra vách dễ làm cho đẹp ở cả hai mặt. Mà nói về hương diện bền vững, thì không bị cái nạn long lở đất ở những chỗ tiếp cột tre (thường thấy ở những nhà vách đất ở miền Bắc). Nói về hương diện mát, thì có thêm lớp không khí ở giữa vách, cố nhiên nhà vách đất ở Bình-Định mát hơn.

Một điều đáng chú ý nữa về phương diện kỹ thuật, là người ta đã nắn sửa soạn lớp đất chét rất công phu. Người ta đã đào hố rồi cho vôi trộn với đất sét hòa nước vào, để có khi hàng mấy tháng. Rồi người ta lại cho trâu đến dẫm lên cho đất thật nhien ra, quện lấy rơm như bột nếp bột giầy. Chính nhờ thế mà khi chét vào vách, đất bám chặt ngay và phẳng phiu ngay. Công việc dùng bàn xoa, miết và xoa về sau chỉ là để nắn cho vách được vuông vắn và sắc cạnh.

Nhà ở Bình-Định xây dựng với công phu ấy, thực đã làm danh giá cho Bình-Định. Và kỹ thuật dựng nhà tranh vách đất của Bình-Định thực đã xứng đáng tiêu biểu cho kỹ thuật làm nhà của cả nước.

Ước ao rằng kiểu nhà cùng kỹ thuật dựng nhà này sẽ được phổ biến cho các tỉnh khác cùng theo.

VĂN-THANH

A I đã thấy đèo, đã đến chân đèo thì cũng muốn trèo lên tới đỉnh cây lá, bia đá mờ sương :

« Hiền nhân quân-tử ai mà chẳng
Mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo » (1).

Mà dù có chẳng dám tự cho mình là hiền-nhân quân-tử thì cũng cố trèo một phen cho biết đó biết đây.

Đèo Hải-Vân ! một trong những thắng cảnh hùng vĩ bậc nhất của nước ta, cảnh thúc-giục lòng du-khách cố-gắng để trèo. Hai mươi cây số đường cả lên lẫn xuống, như một dải lụa giải vô-tận vắt phoi ngoằn-ngoằn và mềm-mại lượn tròn theo vách đá muôn màu đã phô-bầy biết bao nhiêu cảnh đẹp quỳên-rũ.

Mây trắng bay ngang ngọn núi, lừng-lơ nửa ở nửa dờ. Bông lau bên đường bạc phơ đầu tóc, ngã nghiêng trước gió, rì-rào như đang cùng nhau bình-phẩm tử-tê câu truyện nghìn thu. Nhìn lên trời, trời xanh trong như ngọc-thạch. Nhìn xuống biển, biển man-mác một màu lục tươi, lừng-lờ như mặt nước hồ mênh-mang bất-tận. Nhìn từ cao xuống, những làn sóng hùng hổ tiến vào bờ, bọt tung trắng xóa chỉ còn là những sợi chỉ len trắng rắc trên mép nước, có khi lẫn-lộn với bờ

(1) Cửa Hồ-Xuân-Hương





LANG CỎ

cát rộng chạy dài suốt dưới chân núi xa-xa. Những núi nhỏ thấy càng nhỏ thấp thêm như dẹt mình gần sát mặt đất, hiện ra thành từng mảng xanh như lá mạ, từng mảng hồng như hoa tường-vĩ, từng mảng vàng như da cam, từng mảng xanh đậm như trắc-bách-diệp, lung-linh như những bông lau, những ngọn tre, những tàu lá chuối làm tiền cảnh cho bức họa thiên-nhiên vô-giá.

Lên đến đỉnh đèo, nhìn ra trời biển một màu, một màu lục tươi rồi lạt dần không sao phân biệt đường chân trời ở đâu nữa.

Tả, hữu, đều là biển cả. Bên này bãi biển vòng cánh cung. Bên kia bãi biển thẳng tắp chỉ hơi uốn mình ở giữa.

Tiếng biển cả với tiếng gió ngàn, với tiếng chim hót, tiếng lá chạm vào nhau, tiếng ve-ve của xe hơi từ từ bò lên dốc... xen điểm những tiếng người đục đá xa xa, hòa thành một khúc nhạc hùng-tráng và huyền-bí để như thưởng sự thành-công cho khách vượt đèo.

Một chú bé bần khoản hỏi bố :

« Sao bây giờ không có chân trời nữa bố nhỉ, nó biến đi đâu mất rồi ? »

« Đường chân trời vẫn ở trước mắt con và ở ngang mắt con ». Ông bố trả lời.

— « Nhưng nào con có thấy nó ở đâu ? »

— « Lúc này đường chân trời bị hơi nước bốc lên che khuất, nhưng nó vẫn ở trước mắt con ».

Chú bé không muốn hỏi gì thêm nữa và quay nhìn chỗ khác.

Đến đỉnh đèo, trước kia khi xe còn ít, có thể lại xuống ngay được nhưng nay, vì xe nhiều và đường hẹp người ta tổ-chức lại để cho xe lên xuống khỏi phải tránh nhau nguy-hiểm : xe lên một giờ và xe xuống một giờ.

Xe xuống dốc chạy còn phải cẩn-thận hơn là khi lên. Thằng phải thực tốt, mắt và tay phải thực nhanh để lái cho kịp những khúc ngoằn-ngòe nhọn góc. Đã hăm rồi mà xe xuống vẫn nhanh. Cây cỏ bên

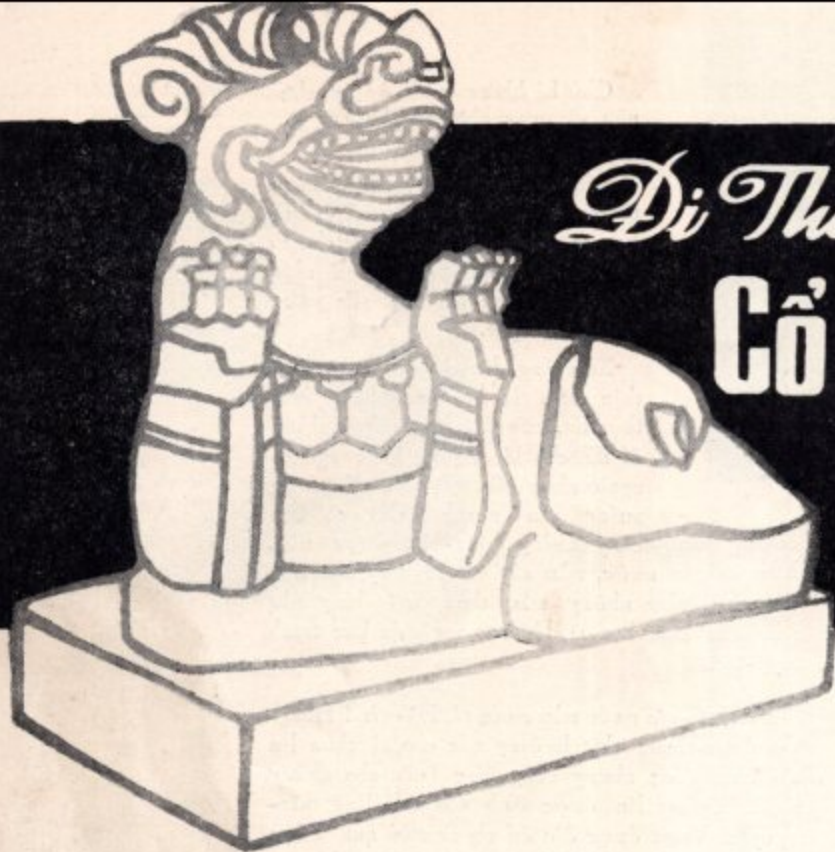
đường loang-loáng không phân-biệt được nữa. Màu đá màu nước, màu cây cỏ trời mây hòa trộn với nhau như những màu thừa trên bảng pha màu của một họa sĩ khi vẽ xong một bức tranh tuyệt-tác.

Đèo Hải-vân muôn màu muôn vẻ. Hải-vân ! Hùng-quan vạn-thuở, thật là đáng tiếc cho ai chưa lên tới đỉnh đèo ; nhưng cũng đáng buồn cho những ai đã lấy sự lên được đỉnh đèo mà làm mãn-nguyên. Vượt được đèo đó chỉ là mới qua được một đoạn đường khó khăn để mở đường cho một chương-trình huy-hoàng và trường-cửu tiếp sau. Vua Quang-Trung xưa đã vượt đèo Hải-vân ra Bắc ba phen để đặt lại trật tự an ninh và rửa hờn quốc hận. Chúa Nguyễn-Vương cũng vượt đèo Hải-vân để thống nhất giang-sơn.

Xưa đã thế, chắc nay rồi lại thế. Đất tổ đang chờ ta !

VỖ ĐỨC DIỄN

Đèo HẢI VÂN



Đi Thăm

CỔ VIỆN CHĂM ĐÀ-NĂNG

NGUỒN gốc sự thờ phụng cũng như đầu mối rung cảm của những tác phẩm kiến-trúc của Chăm là ở mỗi tin tưởng thần bí. Theo tin

tưởng ấy, đã có một Brahma là thượng đế tạo ra thế giới. Thượng đế ấy thường cưới một con ngỗng vàng hamsha và biến hiện không lường trong không gian và thời gian. Ở hình thức cụ thể là nguồn gốc sáng tạo ra sự sống, Brahma đã được tượng trưng bằng cái dương vật, linga.

Nhưng Brahma có quyền uy bảo tồn những gì đã sáng tạo cũng như có quyền uy phá hoại hết những gì đã có.

Ở khía bảo tồn thì Brahma là Vishnou với vẻ mặt hòa nhã, thường cưới con thần điều Garouda với những móng vuốt, những mỏ sắc như búa chặt lấy những gì đã có.

Ở khía phá hoại thì Brahma là Çiva với vẻ mặt nanh ác, thường cưới con bò nandin đi nhanh như gió.

Trên cùng một cái dương vật linga, tượng trưng cho Brahma thường có ba tầng, cấu tạo theo hình kỷ hà khác nhau. Tầng dưới cùng hình vuông lớn hơn cả, tượng

trưng sự sáng tạo bao trùm và nền tảng. Đó là Brahma. Tầng thứ hai hình bát giác bao gồm trong vòng hình vuông kia, tượng trưng sự bảo tồn và biến hóa trong bảo tồn ấy. Đó là Vishnou. Và tầng thứ ba hình tròn ở vòng trong của hình bát giác tượng trưng sự phá hoại. Đó là Çiva.

Lúc đầu tạo thiên lập địa chỉ có thế.

Rồi sau mới sinh ra vợ thần Vishnou là Lakomi một người đàn bà 4 tay ngồi trên mình những rắn thần và chung quanh là 13 cái đầu rắn.

Sau mới sinh ra Poh Nagar hay Uma là vợ thần Çiva.

Sau mới sinh ra Ganesa đầu voi mình người là con của Çiva và Poh

Nagar. Nguyên trong lúc hai vợ chồng nhà này có chuyện xích mích, vợ bảo con đứng gác cửa, hễ thấy Çiva đến, thì ngăn lại không cho vào. Çiva đã tức giận rút kiếm chặt đầu con.

Sau vợ bắt đền. Ông mới cho quần-thần ra ngoài nước gặp vật gì thì chặt lấy đầu để ông cắm đầu ấy vào trả cho con. Quần-thần đã chặt được đầu con voi. Vì vậy mà con của Çiva có hình người mà đầu voi.

Theo tin tưởng ghê rợn với nhiều tính chất hung bạo ấy, người Chăm còn thờ những thần chiến-tranh Skanda đứng trên lưng công, những thần Hộ-pháp Dvarapala đứng trên lưng lợn lòi hay trên lưng bò nandin. Mỗi vị thần về sau đều có nhuộm ít nhiều những tính chất của gốc cũ. Và những góc đền những án thờ, những đài tháp bằng đá đều đã hoặc chạm chìm hoặc chạm nổi những hình đặc biệt ấy.

Mỗi tín ngưỡng của người Chăm cùng cách thờ cúng và nền văn hóa



cổ của họ, không phải là mục đích cuộc đi thăm cổ viện này. Bởi vậy chúng ta chỉ nói sơ qua đề chủ ý đến những nét điêu khắc và kiến trúc của họ.

Đại thể là hồi sơ khai, ở thế kỷ II, III, IV với những Khu-Liên, Phạm-Dật, Phạm-Văn, những nét này còn đơn giản và thô kệch.

Đến hồi thế kỷ thứ V, VI, VII người Chăm đánh Nhật-Nam, xin được Tàu sắc phong làm vua, và luôn luôn đánh Giao-Châu, hồi ấy bắt đầu thịnh, nên những tượng đá điêu khắc có tinh thần hơn. Những bắp thịt gân guốc nổi và đúng theo đường nét thực.



Đến hồi thế kỷ X, XI là hồi thịnh, các vua chúa ăn chơi, xa hoa, vàng bạc châu báu ề hề, nên các tượng điêu khắc tỉ mỉ hơn có đủ những đồ trang sức, mũ mấn, vòng hạt.

Hồi ấy, Chăm đã gặp quân nhà Lý nhà Trần qua đánh nhiều trận toi bời, nên sau đó đã suy đi.

Nhưng đến hồi thế kỷ thứ XIII với sự quật khởi của Chế-Bồng-Nga thì những nét điêu khắc lại mạnh mẽ vững vàng hơn.

Trông những tượng, những hương án, những góc đền chạm chỗ tinh vi trên đá, dù chìm hay nổi, to hay nhỏ, ta thấy ông cha ta quả đã gặp một sức mạnh văn hóa ghê gớm ở miền Nam. Vậy mà lướt đi dễ dàng được, hẳn cũng đã có một sức chiến đấu phi thường nào, đề ngày nay, ta chỉ còn nhận nổi sức ấy, gián tiếp qua những cổ vật trong Cổ-Viện Chăm này.

Có những bức chạm trên đá đề đặt làm hoành cửa tại các đền đài, người ta đã chạm những người vũ nữ nổi bật cả người lẫn tay chân lên, nhẵn nhụi, trơn tru, y như người thợ chạm của ta đã chạm vào gỗ những cảnh nho con sóc ở tử chèo.

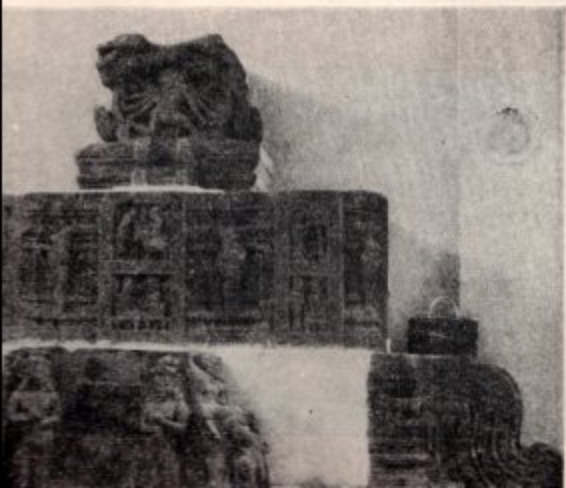
Có những thớt linga chạm 24 cái vũ ở vòng ngoài thớt nhẵn nhụi, trơn tru, đều đặn, tưởng như làm bằng mây vậy.

Có những con bò nandin cho thần Hộ-pháp cưỡi, dữ dằn đến ghê rợn, dầu không cần biết sự tích con quỷ hóa phép cầm kiếm chui ở mồm bò ra.

Từ tượng to bằng người, tượng to gấp đôi gấp ba người, đến những tượng nhỏ lí-nhí trên một riềm đá nhỏ, tượng nào cũng đã được điêu khắc rất công phu.

Thời oanh liệt của Chăm với những cổ vật này là chứng tích, đã khiến ta phải thán phục.

NG.-ĐĂNG-LINH





GIỚI VIỆT tiến vào Nam phần khoảng thế kỷ XVII và bắt đầu khẩn đất, làm ruộng ở Mô Xoài (Bà Rịa) và ở Đồng Nai (nay thuộc Biên Hòa)

Năm kỷ vị (1679) có một nhóm quan lại nhà Minh, không chịu làm tôi nhà Thanh, đã đem 3000 quân đến xin nhập việt tịch. Chúa Nguyễn Phúc Hiền cho vào ở đất Đồng Phố (Gia Định) Lộc đã (Đồng Nai thuộc Biên Hòa) Mỹ Tho (thuộc Định Tường).

Năm Mậu dần (1698) Chúa Nguyễn phúc Chu chiêu mộ lưu dân từ Quảng Bình trở vào để khai khẩn ruộng đất. Bấy giờ lại có Mạc Cửu người Quảng Đông trốn nhà Thanh sang ở phủ Sài Mạt mở sòng đánh bạc rồi lấy tiền chiêu mộ lưu dân lập ra 7 xã gọi là Hà Tiên. Đến năm Mậu Tý (1708) thì xin thuộc về Chúa Nguyễn.

Xét lịch sử, không thấy có sự đánh chiếm đất đai. Thường hoàn toàn do các vua Chân Lạp tự ý dâng đất để tạ ơn.

Hoặc như trường hợp Nặc Nguyên thường thông sứ với Chúa Trịnh để mưu đánh Chúa Nguyễn (1753) bị quân Chúa Nguyễn vây đánh phải bỏ Nam Vang chạy sang Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ nói giúp xin dâng hai phủ Tầm Bôn, Lôi Lạp để chuộc tội và trở về làm vua như cũ.

Hoặc như trường hợp Nặc Tôn bị anh rể giết mất cha (1759) nhờ Chúa Nguyễn can thiệp đặt trở lại lên ngôi, thì dâng đất Tầm Phong Long để tạ ơn (Vĩnh Long).

Hoặc như Nặc Tôn lại dâng Mạc Thiên Tứ 5 phủ Hương Úc, Cần Bột, Trực Sâm, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn rồi sau Mạc Thiên Tứ lại dâng về Chúa Nguyễn.

B Ầ I B I Ê N

Những đất đai ấy hồi đầu thường bị ngập nước mặn, (cho nên gọi là Thủy Chân Lạp) lại ẩm thấp và nhiều muối độc. Người Việt đã phải khai mương, đắp đê, đào kinh, tốn rất nhiều công mới thành được vùng đất phì nhiêu hiện thời.

Ta đi về vùng ruộng miền Nam thì ta cảm thấy đã có không biết bao nhiêu những giọt mồ hôi của cha ông ta đã rỏ ra để biến những sinh lầy thành ruộng lúa.



MIỀN NAM

Dọc theo bờ biển, những cảnh đẹp thiên nhiên ở Hà Tiên hay ở Long Hải là những cảnh khiến ta không quên được công phu tài bồi của người xưa.

Nếu Thế hệ Xây Dựng mới chúng ta lại làm thêm được con đường từ Bà Rịa đi Long Hải thì khách du sẽ phải mê say với cảnh trời biển bao la rất hiếm có vậy.



Ăn nghĩa là gì?

LÊ - VĂN - SIÊU

AN không phải chỉ nghĩa là nhai nuốt và tiêu hóa thức ăn ấy trong bụng. Có khi chỉ thấy nhai mà không nuốt, cũng là ăn: **ăn trâu**. Lại có khi chỉ thấy nuốt mà không nhai cũng là ăn: **ăn thuốc phiện**. Lại có khi không nhai không nuốt, cứ thấy mắt đi thôi, cũng là ăn: **gấu ăn trứng, pháo ăn tốt**. Rồi ngược lại, có khi thấy vật mình thường thấy đã lộ đẹp hơn lên vì ánh đèn cũng là ăn: **ăn đèn**, hay đẹp hơn lên khi chụp ảnh cũng là ăn: **ăn ảnh**. Mà đèn dẫu xấu xa đi vì ánh nắng cũng là ăn: **cánh tay ăn nắng**.

Thật không còn biết đường nào mà lần nữa.

Một người ngoại quốc hiểu ăn là đồng nghĩa với manger rồi cứ thế gặp đâu có ăn cũng dịch là manger thì thật là một trò khôi hài.

Cá ăn muối là con cá đã chết được ướp muối cho muối thấm vào người nó.

Nước ăn chân là chân dầm nước lâu bị nước làm cho rạn nứt các kẽ da đến chảy máu ra.

Tiền ăn đường là đồng tiền dùng để người ta ăn tiêu chi phí dọc đường.

Cá, Nước, Tiền, đó là những chủ từ, mà không phải chủ từ, mà lại là chủ từ. Văn phạm Âu tây không thể dùng ở đây để phân tích mệnh đề cho được nữa.

Ăn xối là chết. **Ăn đất** cũng là chết. **Ăn khách** là ăn ở nhà bạn mời; có khi lại là được nhiều người ưa chuộng: **món hàng này bày giờ ăn khách lắm**. **Ăn ý** là hợp với ý muốn của nhau. **Ăn giọng** là hợp với giọng của nhau, là đã xiêu lòng: **xem chừng cô ta đã ăn giọng**. **Ăn riêng** là đã lấy vợ lấy chồng: **cháu lớn bao giờ đi ăn riêng?**

Thế rồi, **ăn sương** là đêm tối đi ăn trộm. **Ăn chết rồi** là chắc chắn được rồi. **Ăn tay ăn chân** là gian dối bót đi: **tôi có ăn tay ăn chân vào đây đồng thì tôi xin chết nhé!**

Có lẽ trong mớ tiếng nôm của ta, chỉ có tiếng ăn là nhiều nghĩa nhất.

Ăn ở là sự đối xử: **phải ăn ở cho có thủy chung**. **Ăn nằm** là vợ chồng chung chạ. **Ăn chơi** là lêu lổng: **con người ăn chơi**; hoặc là đi điểm: **giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi**.

Có khi vật để ăn là một vật rất trừu tượng: **Ăn lời** là nhớ kỹ lời dạy bảo: **dạy con con chẳng ăn lời**. Có khi vật ấy còn trừu tượng quá độ, đến không còn là gì nữa: **ăn không nói có**.

Nhưng đặc biệt nhất là có khi vật không phải để ăn, mà người ta cứ văng ra bảo mình ăn, thì coi chừng! chớ có ăn, vì đó là sự chửi rủa.

Tùy theo vật ăn và người ăn mà mỗi chỗ nghĩa đã mỗi khác. **Ăn cỗ** là ăn tiệc linh đình. Nhưng **ma ăn cỗ** thì lại là người giở trò quỷ quái. **Ăn cưới** là ăn uống vui mừng khi làm lễ cưới. **Ăn hỏi** là ăn uống khi mới dạm hỏi. **Ăn thượng thọ** là ăn khao khi đến tuổi già. **Ăn tiên chỉ** là hưởng lộc khi được tôn là tiên chỉ trong làng. **Ăn Tết** là ăn uống vui chơi trong ngày Tết. **Ăn vạ** là kéo nhau nầm đầy nhà người trong làng có lỗi để đến bữa bắt người ấy phải mời cho ăn uống tới khi nào nộp đủ khoản lệ cho làng. Và **ăn thề** là ăn uống để thề nguyện cùng làm việc gì. **Ăn mừng** là ăn uống khi có việc vui mừng. **Ăn lãi** là lấy phần lời của đồng tiền cho vay. **Ăn hoa hồng** là lấy phần công mồi lái trong việc mua bán. **Ăn tiền, ăn của dút, ăn hối lộ** là lợi dụng chức việc để bóp nặn tiền của công chúng khi đến nhờ cậy mình làm.

Cũng lại tùy theo cách ăn mà mỗi chỗ nghĩa mỗi khác. **Ăn lên** là được hưởng thêm lương vì thăng trật. **Ăn xuống** là bị hạ lương xuống vì bị giáng chức. **Ăn bản** là kiếm tiền một cách nhỏ nhen. **Ăn dờ** là ăn của chua khi có thai. **Ăn dối già** là gượng ăn khi biết mình sắp chết.

(Xem tiếp trang 53)

Y - PHỤC PHỤ - NỮ

TÔN-NHƯ KIỀU-DUYÊN

NHIỀU chị em buồn rầu vì nước da mình không được trắng. Chị em đã quên câu: *Trắng như bông, đỏm như mơ, mà bị chông chề, Đen như than, vàng như nghệ, mà lại chề chông*

Nghĩa là cái đẹp không hẳn ở nước da đen hay trắng. Vậy kỳ này, tôi xin hiến chị em vài kiểu vài có thể tôn cái đẹp của nước da đen.

1 - Kiểu vải này hợp người da đen và béo lẳn. Màu vàng trong hòa sắc sặc-sỡ này thuộc về loại chừng chặc, có uy quyền. Người mặc phải có cổ cao và mắt sáng mới cân đối. Mặt hơi xương xương, càng hay!

2 - Kiểu này hợp với người hoặc trắng hân, hoặc đen hân. Mình nhỏ ngang, làm thuộc và điều cần thiết là da thật phải rắn chắc.

Nhưng nếu người nhỏ quá, màu sẽ át người đi, nó xin lại, lép lại.

Người to quá, mập quá, mặc thành thô kệch.

3 - Hợp với người vừa phải, mà đen cũng vừa phải. Hòa sắc thuộc về sao Mars, sao chiến-tranh, (Hỏa-tính). Muốn cho thực đẹp, người mặc phải có vẻ quán xuyến, mắt sắc, mũi cao.

Mẫu này cũng hợp với người da trắng, mặt hình cánh lá, như Nữ Hoàng ELISABETH II, Anh-Quốc.

4 - Gần đồng tính với kiểu số 1, nhưng màu sắc dịu dàng, hợp với người nước da hơi đen mà sáng da, nhưng mặt bầu và đậm người.

Nếu có nước da mịn, nhỏ thỏ, mặt thì rất nôi.

5 - Kiểu vải này không có cái đẹp lộng lẫy, nhưng có cái nhã, cái nền; mặc trông rất xinh. Hợp với người đen ròn, vai nhỏ và tròn người.

Cũng hợp với người da trắng hồng.

6 - Tính chất giống như kiểu số 3, nhưng có điểm màu xanh, màu vàng, nên chiến đấu ở đây có vẻ nhân hạ hơn. Hợp với những người trẻ tuổi, các cô Nữ Sinh.

Béo, gầy, cao, thấp mặc được cả, nhưng muốn cho thực đẹp, phải là người có mũi cao, mắt sáng và phải có vẻ quán xuyến.

7 - Hợp với người mập mạp. Cao, thấp, đen, trắng mặc được cả.

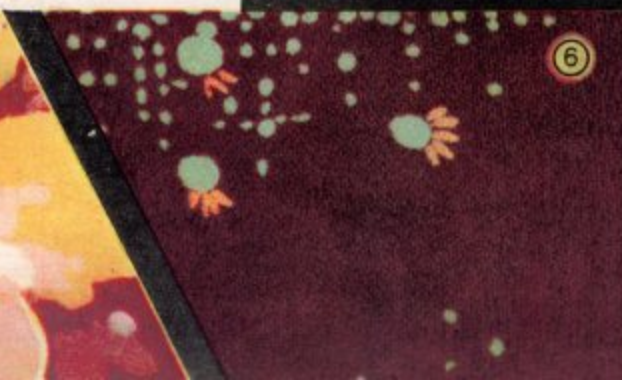
Màu vàng ở đây là ánh sáng, nên rất hợp với người mập, cao, mà lại vui vẻ, hồn nhiên, duyên dáng.

Lưu ý: người gầy (ốm) chớ có mặc!

TÔN-NHƯ KIỀU-DUYÊN



⑦



⑥



Công cuộc Trùng Tu

Đền Đài Lãng Miếu cũ
của khu Kiến-Trúc
Trung - Phần (Huế)



CÔNG cuộc bảo tồn cổ tích là một công cuộc hết sức cần thiết để giữ lại những di sản văn hóa nó biểu lộ trình độ tiến hóa về mọi mặt của dân-tộc.

Giữ lại như vậy chẳng phải để người ta hài lòng về những cổ tích ấy mà không tìm cách tiến hóa hơn lên. Giữ lại như vậy chính là để nối cuộc sống hiện tại và tương lai vào cuộc sống tinh thần của quá khứ, cho cuộc sống tinh thần ấy luôn luôn nhắc nhở mọi người nhớ đến những hồi vui buồn vinh nhục chung, nhớ đến những ngày mà sự tiến hóa xã hội đã không cho phép quay trở lại nữa.

Tinh thần ái quốc sẽ nhân đấy mà nảy nở. Chỉ có những kẻ mất gốc mới không lo vun đắp quá khứ của mình. Và chỉ những dân tộc đến hồi tàn tạ mới không lo bảo tồn cổ tích.

Công việc bảo tồn cổ tích và thắng cảnh là công việc quan trọng của Sở Bảo-Tồn Cổ-Tích trong Bộ Kiến-Thiết và Thiết-kế Đô-thị.

Riêng ở cố-đô Huế là nơi có nhiều đền đài lãng miếu nhất trong nước là nơi tiêu biểu cho Mỹ-thuật Việt-Nam thời cận đại, công việc bảo tồn đã có khu Kiến-Thiết Trung-Phần phụ lực.

Những người thợ chuyên-môn

Dưới sự săn sóc chăm nom của Sở Bảo tồn Cổ tích, khu Kiến-Thiết Trung-Phần thực đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ, trong khi lo giúp đỡ tổ chức lại cả từ những lò gốm để làm những viên gạch, những viên ngói cho đúng y như cũ, và lo tìm chính người thợ già mà hai ba mươi năm về xưa trước đã đắp những con rồng cùng những trang bị khác trong các đền đài cũ. Lại còn lo tìm những cột

gỗ đúng như những cột đã một ruộng cần thay thế, lo tìm những người thợ mộc, thợ sơn của nghệ-thuật cũ để làm y như cũ trong công cuộc trùng tu. Nếu ta chú ý vào cách làm việc của những người thợ này, ta sẽ thấy quả thực không cố gắng như Khu Kiến-Thiết Trung-Phần thì không thể làm gì đến những kết quả tốt đẹp được.

Người thợ ngỗng đắp những con rồng hay chim phượng trên các mái đền, đã đắp một con thờ nhất làm mẫu ở đầu mái bên này, rồi qua ngói các đầu mái khác nhờ mà đắp những con khác, chỉ thỉnh thoảng ngoái cổ lại nhìn một tý cũng đã đủ như đo bằng thước tiêu ly. Khi xong thì chúng giống nhau như đúc, kích thước đúng nhau như cùng một con.

Người thợ trạm trên gỗ cũng chỉ làm một hoa đầu làm đích đề rồi bao nhiêu cái về sau cũng cứ theo đó mà đúng nhau tằm tấp.

ĐIỆN CĂN CHÁNH TRÙNG TU





THỜ MIẾU

Ảnh Ng. Khoa L.

Người nung gạch ngói cũng tìm đúng thứ men để nung đúng độ lửa, cho khi gạch ngói ra thì đúng y như gạch ngói cũ, cả về kích thước lẫn màu sắc.

Ta thấy thể hệ thợ cũ này hiện giờ đã già nua lắm. Nếu không lo huấn luyện một thể hệ trẻ mới kế tục thì đáng tiếc lắm thay.

Những việc làm chuyên-môn

Ta thấy những con rồng bằng vôi đắp, cốt sắt, dài gần 4 thước, cao 1 thước rưỡi, nặng 800 k. đè trên một mái ngói mà bên dưới rui, mè đòn tay bằng gỗ, đã một ruộng và sắp đồ.

Phải dỡ và đem những con rồng ấy xuống đất để dùng làm mẫu đắp những con khác thay vào.

Ta lại thấy những khung vôi trên các cửa, người ta đã làm đầy đủ những hình nhỏ bé của các vật, chẳng hạn cái đàn bầu dài độ 1 tấc tây, trong cũng có đủ trục quay, dây và phím đàn. Bây giờ hư hỏng, cũng lại phải làm y như thế, dù biết khi đặt vào chỗ của nó, người ta đứng dưới cũng không trông thấy gì.

Ta lại thấy những đà gỗ bị mối một một phần, tuy đã cho thuốc đề mối một không ăn loang thêm, nhưng sợ yếu không đủ sức chống đỡ những vật đè nặng ở bên trên, người ta đã xẻ bóc lượt vỏ trạm và sơn ra để đặt sắt vào trong, rồi lại dán gỗ trở lại như cũ. Người vô ý đứng trông sẽ thấy đà gỗ vẫn không có gì thay đổi. Thật là công phu tỉ mỉ để khỏi phản-bội kiến trúc và nghệ-thuật xưa.

Đến điện Thái-Hòa nhìn công việc trùng tu, nhìn những vải bọc các cột sơn và các ngai bệ sơn cho bụi khỏi bay vào làm hại màu sơn sơn thếp vàng (mà bây giờ khó lòng sơn nổi) ta càng thấy mến những người đã cần cù làm việc với tất cả lương tâm của mình.

P.V.



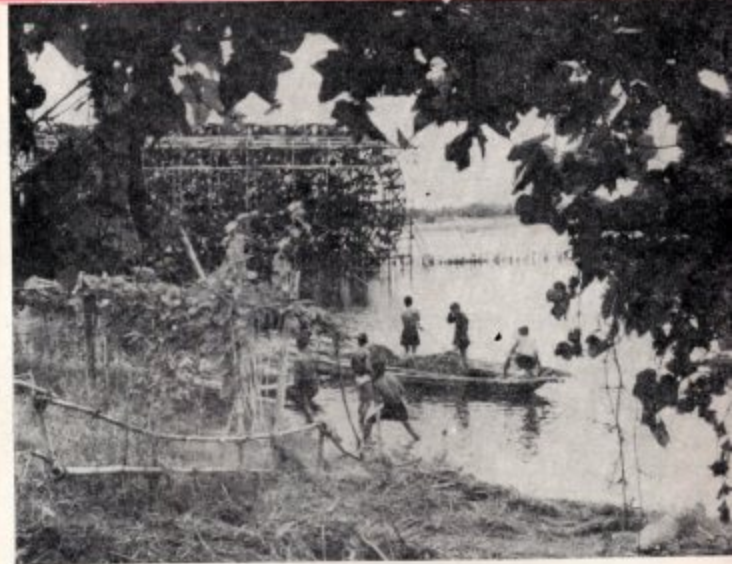
GUỒNG TẮT NƯỚC TỰ ĐỘNG

ở Quảng-Ngãi



④ Đến Quảng-Ngãi, ai cũng phải chú ý ngay tới cái guồng tắt nước tự động này, vì khắp các tỉnh khác trong nước đều không có.

Ở các nơi khác, người ta hoặc đã dùng máy bơm, hoặc đã dùng cửa cống bằng sắt hay những đập dẫn thủy nhập điền theo kỹ thuật -Châu. Ở đây, đồng bào thôn quê cũng đã làm một đại công tác dẫn thủy nhập điền, theo kỹ thuật của mình với những chất liệu sẵn có của mình là tre, dầu rái, dây mây.



Không có một vật liệu nào phải mua ở ngoại-quốc. Vậy mà cái đồ sộ của nó đã khiến hết hồn các du-khách. Nó là những bánh xe, đường kính dài khoảng 16m, bề dày khoảng 1m.20, trục là một khúc gỗ tròn ước 30 phân, nan hoa là những cây tre lớn, cột từ trục lên vành bánh, và vành bánh cũng là những dóng tre uốn vòng với những sợi dây leo lấy ở rừng ra quấn chằng lầy nhau tưởng không còn gì nặng hơn.

Trên vành bánh đặt nghiêng chừng 15° những ống tre (60 ống) dài khoảng 1m.40 mỗi ống to độ 15 phân đường kính, đầu để vục nước thì đục hồng ra, đầu để giữ nước thì để nguyên mắt và đốt tre.

Trong lòng vành bánh gài vào những nan hoa là những cánh quạt đan bằng tre. Chính cánh quạt ấy đã làm cho guồng tự động chạy suốt ngày đêm.

Cánh quạt ấy chìm dưới mặt nước sông. Nước sông chảy sẽ đẩy nó đi. Nó vừa đi hết, lên đến cao hơn mặt nước, thì một cánh quạt sau lại vừa chìm dưới mặt nước, để nước lại đẩy đi. Nó vừa đi lên cao hơn mặt nước thì một cánh quạt sau nữa lại vừa chìm xuống để cho nước đầy nữa. Cứ thế mà guồng quay như cái chong-chông.

Trong khi quay như vậy, thì những ống tre ở vành bánh vục nước và đưa dần dần lên cao. Vì ống tre đặt nghiêng, khi ống đưa nước lên cao, nước vẫn ở trong ống cho đến lúc cái chiều nghiêng của ống ấy ngang ra thì nước trong ống rót ra như những vòi nước, mới đầu ngang thì còn ít, đến khi bánh quay cho ống nghiêng dốc xuống thì nước ào ra, trong ống không còn một giọt.

(Xem tiếp trang 53)



CẦU VÀ MĂNG DẪN NƯỚC

Ảnh của Đức-Hồng



HỘI-AN cũng như Phố-Hiến ở miền Bắc, là nơi người Ngoại-Quốc đến ở buôn bán sớm nhất từ thế kỷ XVI tới thế kỷ XVII.

Trong số người ngoại-quốc cũng có người Âu-Châu như Pháp, Hồng-Mao, Y-Pha-Nho, Bồ-Đào-Nha... và cũng có người Tàu, người Nhật.

Sự bán những sản phẩm kỹ-nghệ của họ và mua những nông sản, lâm-sản của ta, đã khiến cho vùng cửa Hội-An tấp nập và vui vẻ.

Bây giờ không trông thấy dấu tích những cửa hàng cũ ấy nữa. (Có lẽ đó là những cửa hàng hiện ở đây nhà đường Cường-Đề bây giờ chăng?) Để cho tiện việc qua lại một cái lạch nước khi cần mang hàng hóa đi về, người Nhật đã bắc một cái cầu trên lạch nước ấy. Cầu bằng gỗ không lớn lắm, dài khoảng 10m thôi, nối đường Duy-Tân với đường Cường-Đề. Bề ngang chỗ đường xe đi rộng cỡ 2m80 Hai bên thành cầu lên trên, chỗ người bộ hành đi rộng chừng 1m. Một bên thành cầu là lan can cao lưng-chừng trên 1m trông ra con lạch ở đầu xa xa. Một bên là chùa, nền làm ngang mặt đường bước vào cửa ngay ở giữa cầu. Cầu có mái che với những cột kèo, rui, mè đặc biệt kiến trúc Á-Đông. Cầu này tục gọi là cầu chùa Nhật-bản, nhưng đãj sửa lại nhiều lần.

Cầu sơn màu đỏ, thời gian làm xám đen đi. Ngói cồ. Và ở hai đầu cầu đều có xây công vào với những quả đào đắp ở tường.

Người đi lại đông đúc, gồng-gánh, dắt xe đạp và đi bộ qua cầu, ánh nắng xiên khoai chiếu vào gần giữa cầu, hắt ánh sáng lên mặt, trông người nào cũng có vẻ tươi tắn vui đời.

Cầu Chùa ở Hội - An





*Hải Vân ! Hùng quan vạn thuở ! Vua Quang Trung xưa đã ba phen vượt
đèo Hải Vân ra Bắc để đặt lại trật tự an ninh và rửa hờn quốc hận. Chúa Nguyễn
Vương cũng từ Nam ra Bắc vượt đèo Hải Vân để thống nhất giang sơn.*

Xưa đã thế, chắc nay rồi lại thế. Đất tổ đang chờ ta.

VÔ ĐỨC DIỄN



Ảnh Nguyễn Văn Chiêm

CỔ VẬT SA-HUỖNH

(Tiếp theo trang 11)

Ở cả hai kho những nồi xếp lớn xôn có khi sát nhau, có khi cách quãng nhau, có khi cao, có khi thấp.

Đun cát thì không cao lắm, trên mực nước bề từ 2 thước rưỡi tới 3 thước.

Và nồi đã được chôn cao trên mặt nước bề một ít trong cát ấy.

Hình nồi cũng thường : hình trái bầu hoặc hình trụ, đầy độ 1 phán. Đại để là cao 77 phán, miệng rộng 60 phán, cổ rộng 47 phán. Mỗi nồi có một cái nắp đặc biệt như hình cái bình hoa úp ngược xuống.

Nắp nồi có khắc những nét vuông vắn chạy triện như kiểu Hy-lạp.

Và những trán châu hình tròn có một hai hột đến 13 li và hình dài thì có hột dài 20 li có hột dài đến 46 li. Có một cái nồi chứa tới 32 hột hình quả trám, hình vuông hay hình dài.

Nóng cụ thì thấy cái thường. Còn xương người thì thấy có những đốt xương tìm bằm tỏ ra đã hỏa thiêu, và có những đốt xương thường không bị hỏa thiêu.

Theo Ông Parmentier, thì hình như đây là hai nghĩa trang cải táng của những nhân vật trong yếu trong một xã hội cổ. Cũng theo Ông, những vật tìm thấy không giống chút gì với mọi cổ vật khác đã đào được ở khắp các nơi. Trên những vật này không có dấu vết gì của văn minh Chăm. Những đường nét điêu khắc đều không một chút gì giống với những nét của Chăm cổ.

Người ta đã đồng ý cho rằng đó là những cổ vật có từ trước khi người Chăm lập quốc.

Và thêm vào tài liệu ấy, người ta còn thấy vòng tai bằng chất trong như thủy tinh tại một đồn điền gần làng Minh-Mạng ở Huế. Và người ta còn thấy một cái vòng tai khác cũng kiểu ấy, to 5, 6 phán, dày 5 li, tại Phú-Quy khi làm đường xe lửa, chôn sâu dưới 4 thước.

Nhìn vào địa hình ở khu vực ấy, chúng ta thấy con sông Trà-khúc bắt nguồn từ thung lũng Sơn-Hà, Ba-Tur, với cánh tay sông Sơn-Hà, có đường xuống Quảng-Nam qua Đồng-Dương, có đường thủy qua Đức-Phổ và đường núi thì có thể đi khắp cả dãy Hoành-Sơn. Suốt dãy núi ấy ngoài những thung lũng ở Bắc Trung-Việt và Nam Trung-Việt như Pleiku, Kontum, Dilinh, ở trung tâm, chỉ có thung lũng Sơn-Hà là quan trọng hơn cả.

Ta đoán phỏng Sơn-Hà ngày xưa có thể đã là trạm chính trong cuộc di chuyển từ Nam chí Bắc của những đồng bào Thượng bấy giờ. Hoặc có thể đã là một trung tâm của một xã hội miền núi phú túc và có tổ chức, nên mới có lệ cải táng để rồi theo đường thủy xuống chôn tại Đức-Phổ và Phú-Khương. Như thế có thể rằng cả vùng bờ biển Sa-Huỳnh đã thuộc quyền xã-hội miền núi ấy. Và có thể vì chịu đựng không nổi sự phá phách liên tiếp của các thủy khấu từ nam Thái-bình-dương lên, mà xã hội ấy đã phải rút về sống trong thung lũng và trên đỉnh núi Hoành-Sơn để nhường chỗ cho người Lâm-Áp lập quốc.

Tất cả đều chỉ mới là phỏng đoán. Ta còn cần đến tại những vùng núi ấy xem xét phong tục, địa thế, kỹ thuật, thị hiếu của các đồng bào Thượng ở đó và ở vùng phụ cận, thì họa chăng mới có thể kết luận là chính những đồng bào ấy đã bị người Chăm xưa đuổi lên núi.

HỒ ĐẮC CÁO





Đường đi VEN BIỂN

Bài của CHÂN-NHƯ



R Ê N đoạn đường dài từ Saigon đi Phan-Thiết rồi dọc theo ven biển đến Huế, không biết đã có bao nhiêu cảnh đẹp hiện ra trước mắt ta.

Đồn điền cao su

Khi thì là đồn điền cao su ở Biên-Hòa, với những bóng rợp tỏa trên đường trắng nhựa. Một vài con chim thấy động ngọn cỏ bay vù lên và theo gió tạt vào cành lá. Nắng dịu dịu trong im lặng như gọi những tiếng nhạc từ bánh xe truyền ra và thấm vào cây cỏ ven đường.

Nhà cửa ẩn hiện sau những rừng cây cao su, rồi thưa dần, thưa dần, để dẫn ta đến một khoảng rừng rậm rạp. Đường lên dốc rồi lại xuống. Xuống rồi lại lên. Từ trên trông xuống đường như võng, êm ái nhẹ nhàng, cho du khách du mình trong tưởng tượng. Từ dưới trông lên đường gặp trời xanh và mây trắng giữa diềm lá rung rinh. Đều khi xe tới gần thì trời lại xa ra, mở rộng và dài thêm con đường cho du khách.

Rừng gỏi

Đây là rừng gỏi với những lá xò ra tròn như cánh quạt lông tẩu, có lá to ước 2 thước đường kính, chúng đua nhau vươn lên cao hàng 7, 8 thước cho những đầu lá xanh rập rờn trước gió. Gỏi không ai trồng và cứ mọc tự nhiên theo cái lộn xộn của nó. Nhưng trong cái lộn xộn ấy, dường như đã có một định luật của sự truyền giống và tàn vong. Cây nào non thì hết lượt lá nọ lại đến lượt lá kia, mỗi ngày mỗi vươn cao hơn theo với gốc mỗi ngày mỗi to hơn. Cây nào đã to và già thì không ra lá nữa mà ra hoa, để hoa ấy kết thành quả mà bay theo gió đến bất cứ nơi nào sẽ hạ xuống mà mọc cây non. Cây đã ra hoa sau đó sẽ rụng đi, như đã xong sứ mạng truyền giống của mình thì cũng hết sinh lực để tồn tại.

Phan-Thiết

Gần đến Phan-Thiết những lò gốm làm tỉn hiện ra, với những cái «núi» tỉn để chứa nước mắm, đã báo hiệu sắp đến một trung khu sản xuất nước mắm lớn nhất trong nước.

ĐƯỜNG ĐI VEN BIỂN

Thuyền đánh cá ở bờ bề như những lá tre bám vào bờ. Người nhảy lên, người nhảy xuống, người truyền cá từ trong khoang thuyền ra, người gánh cá hoặc tốc chạy vào chợ... Quang cảnh đã ồn ào tấp nập như con người muốn cướp lấy thời gian, cướp cả không gian để phụng sự cho cuộc sống của mình.

Phan-Thiết là tỉnh của cá tươi, và của nước mắm ngon. Chả mực, canh chua, cá hấp, cá sào, cá rán... những miếng cá ngọt ngào nhai trong miệng, miếng mực nạc như thịt lợn nạc, miếng sậm sệt như gân bò, thơm tho và dịu ngọt, tưởng chừng như ăn rồi, du khách sẽ chẳng bao giờ quên được Phan-Thiết.

Phan-Ri

Đường đi Phan-Ri đã thấy có những cồn cát trắng. Một vầng cỏ mỏng che

không hết mặt cát như bột phấn. Và lơ thơ vài cây hoang che bóng rợp trên những khoảng nho-nhỏ của bãi cát càng làm nổi bật màu trắng mịn của cát dưới ánh mặt trời.

Ở đây, bắt đầu đã lác đác có bóng người Chăm với những áo màu hoa lý tươi, hay màu vàng anh nhạt, che cho những thân hình đàn bà vạm vỡ với nét mặt khắc khổ chiều dăm. Họ đội những thúng gạo, ớt, sò, hến đưa ra chợ bán, hay gánh những thúng lúa giống đi gieo mạ. Họ đi lê bước trên quãng đường dài dưới ánh chiều tà, khiến ta cảm thấy như họ là hiện thân của những đèn những tháp đương điêu tàn sụp đổ.

Phan-Rang

Đến Phan-Rang mới là chính nơi người Chăm còn ở nhiều.

Phan-Rang có tên cũ của Chăm là Panduranga. Nơi này ở làng Đức-Nhân có ngôi đền Po Khlaung Garai (Hòa-lai) do Chế-Mân làm năm 1307, và làm xong thì chết, để Huyền-Trần Công-Chúa đương sửa soạn lên đàn hỏa theo vua chồng, — theo tục lệ Chiêm-thành, — thì chàng Trần-khắc-Chung qua điệu tang đã đưa nàng về nước.

Người ta còn truyền bài ca Nam-Bình ở Huế là do chính Huyền-Trần Công-Chúa đã soạn ra. Trong có những câu nào nùng ai oán:

« Mượn màu sơn phấn, đền nợ Ô, Ly...
Dẫn một lời với Mân quân, may duyên mà như nguyên, vẹn mười phần, đền nợ cho dân. Tình đem lại mà cân. Đắn đo muốn phần... ».

Phan-Rang là tỉnh-ly của tỉnh Ninh-thuận, cách bờ biển 7km trên bờ sông từ dãy núi Long-Biên chảy ra. Người Chăm còn chừng vài chục ngàn người ở huyện An-Phước.

Những di tích cổ còn lại là :

1. — Đền Hòa-Lai (Po Khlaung Garai) ở làng Đức-Nhơn và 5km về phía tây có tháp chính trong còn những đồ thờ tự theo cổ tục thế kỷ XIII của Chiêm-Thành.

Năm 1901, Parmentier, nhân viên trường Viễn-Đông Bác-Cổ đã tìm thấy kho tàng trong tháp ấy gồm có : 18 đồ vật bằng kim khí, 1 đĩa bạc, 14 lọ bạc, 2 lọ bạc mạ vàng, 1 lọ vàng.

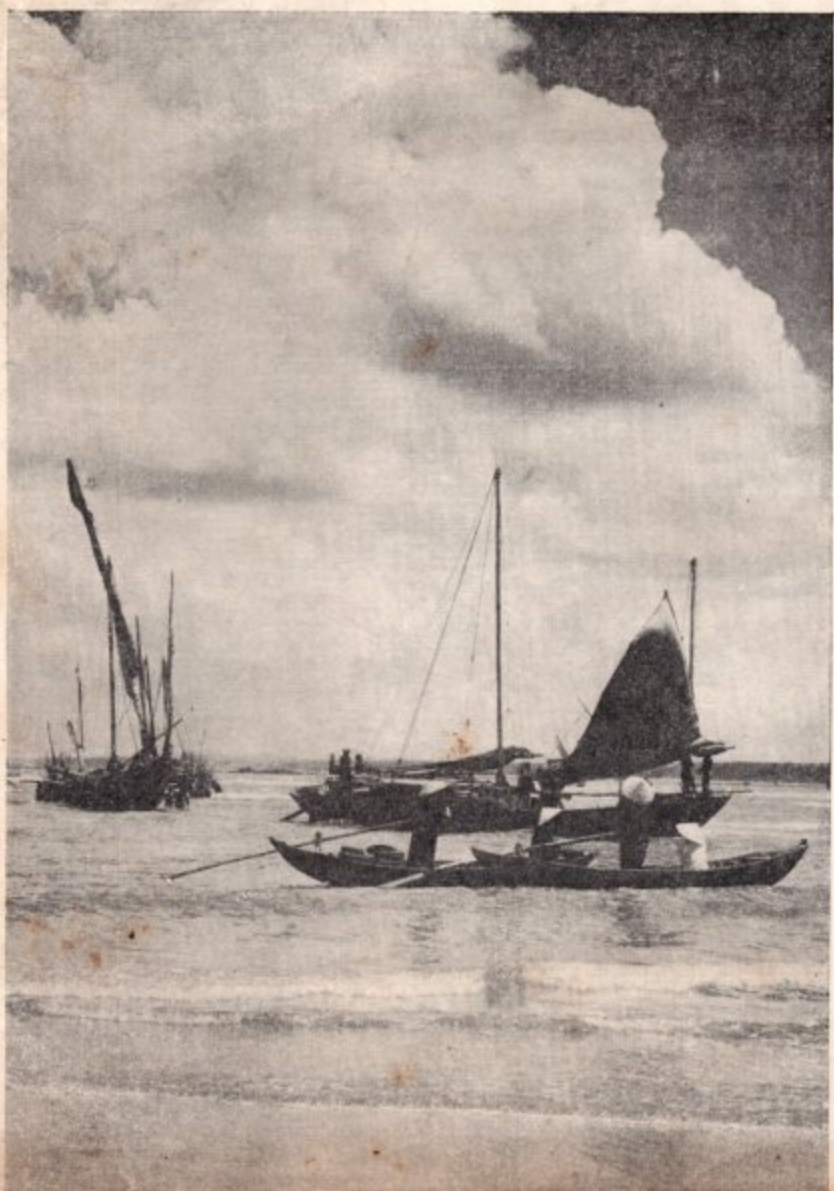
2. — Đền Po Romé trong xã An-Xuân, có tháp bằng gạch với bức đá trạm thần tượng Çiva và 2 tượng nữ thần, một tượng có chữ khắc trên ngực cùng với hai cột đá có khắc chữ.

3. — Ba cái Tháp bằng gạch ở phía tây nam Phan-Rang thuộc địa phận làng Chương-Mỹ.

Rừng dừa Hiệp-Mỹ

Trên đường Phan-Rang đi Ba-Ngôi còn thấy 3 tháp Chăm nữa.

BỜ BỀ PHAN-THIỆT





G QUÊ "ĐÀ-NẴNG

Ảnh Nguyễn Kh

Vịnh Cam-Ranh

Khỏi rừng dừa trên đường ra biển, người ta sẽ gặp Vịnh Cam-Ranh. Đó là cái vịnh ở giữa đường Tân - Gia - Ba, Hương-Cảng trông thẳng qua Phi-Luật-Tân. Về phương diện quân sự, đó là

một vị trí xung yếu kiểm soát được tất cả đường biển từ Nam-Dương đến Đài-Loan. Nước Cam-Ranh cũng như Ba-Ngôi, Nha-Trang, trong xanh một màu lục tươi như da trời, với những làn sóng nhỏ vỗ bờ, đem bọt nước trắng dần dần từ ngoài xa trải lên bờ cát trắng.

THÁP CHÀM PHAN





THÀNH DIÊN KHÁNH



ĐEO CÃ

Ba-Ngòi

Bờ cát ấy có khi là một bãi cát rộng mênh mông, có khi như ở Ba-Ngòi lấm chồm những hoa đá san-hô trắng và đẹp như những diêm đăng ten giữa những hải-ảo rướm rà mà phi Tào Hóa, không một họa-sĩ nào tưởng tượng vẽ ra nổi. Vịnh Ba-Ngòi trông về Đông-Nam, hai bên tả

hữu là những tay núi vươn ra bề, như những tay ngai với những mũi, những hòn, những gò, những đồng, bằng đá gan gà ẩn hiện sau những cây lá hết sức đẹp.

Ba-Ngòi - Nha-Trang

Trên đường này lại thấy có bãi cát trắng tuy ít hơn và nhỏ hơn ở đường

đi Phan-Rí. Trên bãi cát thấy có cây lớn mọc và loáng thoáng có chỗ người ta đắp dè làm ruộng, và thỉnh thoảng có những lò đốt than đắp bằng đất hay bằng gạch hình bán cầu, cao chừng vài thước.

Người đi bên đường đã có vẽ đông đông Xe ngựa, xe đạp, xe vet-pa rạp riu báo hiệu sắp đến một đô thị lớn.



Ngoài đồng, lúa mới cấy còn xanh tươi. Cũng có thửa ruộng lúa đã bắt đầu con gái. Từng đợt, từng đợt gió uốn ngọn lúa ở hai bên đường, trong khi trâu bò thong thả gặm cỏ bên bờ dề.

Nha-Trang

Thị xã Nha-Trang là tỉnh lỵ của tỉnh Khánh-Hòa ở hữu ngạn và phía Nam sông Cù rợp bóng tre xanh. Tỉnh đã được dựng lên trên một cánh đồng bằng rộng rãi, với một vài ngọn đồi nho nhỏ, cây cối xanh tươi và một bãi biển phía đông cát phẳng như san trên mặt đất.

Đường trải nhựa dọc theo ven bờ biển ấy dài 5 cây số dưới những bóng cây phi-lao. Đầu đường là đài thiên-văn của Bác-Sĩ Yersin cuối đường là Cầu Đá đến Hải-Học-Viện. Những nhà mát, những nhà hàng lớn, cùng viện vi trùng học và công sở, tỉnh đường đã được đặt trên đường chính ấy, gọi là Đại-lộ Duy-Tân. Các đường khác trong thành phố cũng được sắp đặt sửa sang rộng rãi và sạch sẽ. Từ ngày có thêm các đồng bào di-cư tới ở, tỉnh lại mở thêm ra ở phía Nam, một xóm mới, rộng bằng một phần tư thành phố cũ.

Nha-Trang (gốc ở tiếng chàm Yakram có nghĩa là Sông-Tre) vốn xưa thuộc miền Kauthara. Người Việt đã đặt chân trên đất ấy hồi thế kỷ 17 và lập thành doanh Thái Khang, năm 1653, dưới thời chúa Nguyễn. Đời Tây-Sơn tên doanh ấy đổi là Trấn-Bình-Khang đời Gia-Long đổi lại Trấn-Bình-Hòa năm 1808, và đời Minh-Mạng lại đổi là Khánh-Hòa năm 1832.

Nha-Trang nổi danh nhất là Tháp-Bà, Hòn-Chồng, Hải-Học-Viện và bãi bẽ. Đến Nha-Trang ai cũng phải đi tắm bẽ và đi thăm những nơi ấy.

Qua đèo

Qua khỏi Nha-Trang chừng vài cây số thì đến đèo Rù-Rỳ, đề tiếp sau đấy là đèo Rô-Tuông, đèo Cồ-Mã và Đèo Cả.

Xe đi trên triền núi, ta nhìn bên này là ngọn núi cao vút tận trời xanh với những đám mây trắng rắc loảng thoảng trên nền trời, và bên kia là vực thẳm, không biết sâu bao nhiêu chỉ thấy những ngọn cây thoai thoải xuống thấp dần đến dưới, cao chỉ còn bằng những ngọn cỏ. Cô tranh



NHÀ THỜ NHẤT TRẠNG



THÁP BÀ QUI NHƠN

bên dia đường cao hơn những cây sao mọc dưới khe. Và những bông lau, những dây hoa, những lá cây kỳ lạ, óng ánh màu vàng, màu bạc, dưới ánh nắng, đã vụt biến hiện qua mắt ta trong im lặng. Ta cảm thấy cái im lặng ấy hùng vĩ và ghê rợn; đề rồi lại cầu mong nhắc lại những sức cảm hân hữu ấy trong lòng.

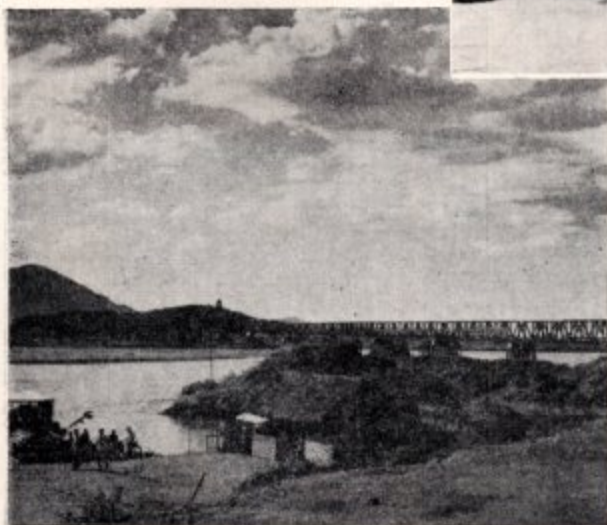
Lên đến đầu dốc thấy hiện ra cả một bãi bẽ mênh-mông. Nước xanh như thuốc vẽ. Một vài cánh buồm lơ lửng ở xa xa, thấy chỉ còn bằng mấy con bướm đậu. Không trông thấy nước biển có sóng. Chỉ hơi thấy gợn lăn tăn như mặt nước hồ. Và ở những vành tròn của bãi cát, bọt nước trắng chỉ còn là những mớ chỉ trắng vương vãi vào bờ. Màu

xanh của mặt nước, màu trắng của bọt nước, màu ngà của bãi cát, màu hồng của chân núi, màu xanh của lá cây, từng đợt từng đợt, đã như cấu kết lấy nhau thành một bức tranh vô cùng đẹp.

Ta không thể ngờ đất nước của ta lại có những cảnh đẹp đến thế. Và ta lấy làm tủi sao những cảnh đẹp ấy lại chẳng được phô bày cho mọi người con dân trong nước cùng biết để mà yêu thương nồng nàn hơn lên, cái non sông gấm vóc này.

Nhưng nếu xe chỉ đi trên đèo mãi như thế, mắt người ta có lẽ sẽ muốn đổi nhìn phong cảnh khác. Thì phong cảnh khác lại hiện ra.

Du khách sẽ thấy khỏi đèo Rô-tuông đến Ninh-Hòa, cả một cánh đồng bát ngát đến tận chân-núi ở xa xa. Đường quốc lộ trắng nhựa đi giữa, đề lúa non hai bên ruộng dâng lên mũi khách một mùi thơm ngọt kỳ lạ của cốm Vòng. Tre mỡ chung quanh làng, dừa, chuối, cau, nhà tranh, đường uốn khúc quanh bờ ruộng,



LANG CỎ TRONG SÁNG SỚM CẦU TUY HÒA

Ảnh của Ng.-văn-Chiêm

(Giải nhất cuộc thi ảnh danh lam thắng cảnh 1958)



THÁP CHÂM TUY-HÒA

Ảnh của Đức Hồng và Ng. Khoa Lợi

trâu, bò, chó, xen với tiếng gà cục tác giữa cảnh im lặng của buổi trưa hè. Ôi! mùi lúa non thơm ngào ngạt đã chẳng phải chỉ là mùi lúa non. Nó đã là cả một mùi quê-hương mà cha ông chúng ta đã khiêng đến đây tự thuở nào!

Những cây rơm ở cạnh nhà, những thửa ruộng lúa bắt đầu vàng bên những ruộng mạ non, những ruộng lúa bắt đầu uốn cánh cầu bên những ruộng lúa còn con gái, vài con bò phe phẩy đuôi khi gục đầu gặm cỏ, vài con sáo sậu nhầy lách tách trên lưng bò, ta thấy tất cả một cánh đồng bằng Việt-Bắc, tất cả một nền văn-minh nông-nghiệp của ta đã lù lù nằm đấy.

NHÀ TẠI BÌNH-ĐỊNH



CỔNG VÀO LĂNG VÕ-TÁNH



LĂNG VÕ-TÁNH



Bây giờ ta lại bắt đầu lên đèo Cồ-Mã. Còn 40 cây số nữa đến Tuy-Hòa. Mấy con cò trắng tung cánh bay về Nam, in màu trắng tươi lên nền trời xanh biếc.

Du khách lại được thấy một cảnh đẹp kỳ ảo khác của xe lửa bò trên đường sắt ở ven biển, hoặc mới chui ở trong hầm ra, hoặc uốn mình lượn tròn theo triền núi, khói tỏa lên lá cây một màu sương mờ.

Trên đường chỉ còn nghe thấy tiếng xe l l lên dốc, với một vài tiếng chim hót vang vang.

Đề rồi đây là bãi biển Đại-Lãnh trước khi lên Đèo-Cả.

Bãi biển Đại-Lãnh

Xe đi gần đến Đại-Lãnh đã thấy lác đác có những cây phi-lao đề rồi dần dần phi-lao nhiều hơn, nhiều hơn, cho đến khắp cả một khoảng đất ven bờ biển. Gió thổi cho phi-lao reo lên những tiếng vui mừng. Và nhìn qua những thân cây, bên kia là cả một biển nước mênh mông, màu xanh tươi như ngọc thạch.

Sóng rất nhẹ, chỉ hơi lướt qua người như tắm trong hồ nước. Nước rất trong đến nhìn thấy cả bàn chân mình dưới đáy sâu. Một vài cục đá trên bãi cát phủ một lớp rêu non như những áo nhung mịn màng và óng-chuốt.

Đèo-Cả

Từ Đại-Lãnh đi lên là Đèo Cả, dài ước 10 cây số. Đường xe hơi đi ở trên. Đường xe lửa đi ở dưới. Một bên là biển, một bên là núi đá cheo leo. Nước biển màu lục. Ven biển viền cát vàng. Chân núi màu ngà có khi màu nghệ, có khi màu son. Núi xanh ở bên kia thoang thoang có chỗ như màu lá mạ cạnh màu xanh đậm tối om; có chỗ trơ đất màu nâu bên cạnh một con đường mòn, ẩn hiện sau cây lá.

Tuy-Hòa

Hết đèo, còn chừng 10 cây số nữa đến Tuy-Hòa, du khách lại thấy cánh đồng bát ngát hai bên, với làng xóm, trang



MỘ CỤ HUỲNH THÚC KHÁNG



THÁP ĐỒ BÀN



BÃI BIỂN QUI-NHON

ra ở giữa ruộng, có hàng rào tre xung quanh, trong khi núi đá đang ra ở xa.

Chúng tôi đến Tuy-Hòa, trời đã xế chiều, xe phải qua 2 lần phà vì cầu hư, nên bắt đầu xe đi trong đêm tối.

nhỏ mờ mờ. Có tiếng ếch kêu và tiếng chân người lội lồm bồm. Nhìn ra là những ngọn đuốc đỏ rực lừ lừ đi, với một vệt sáng dài trên mặt nước. Đèn pha xe lóe một khuôn sáng cho nhìn thấy những đầu ngọn lá, những cổ

Rồi là điểm canh, rồi là bóng cây xòe ở hai bên đường ra, hay bóng tàu lá dừa từ trên cao buông xuống. Thỉnh thoảng lại gặp một cái xe từ đằng kia đi lại. Còn thì chỉ nghe thấy tiếng máy đều đều của xe mình với tiếng lép bép của bánh xe đi trên đường nhựa ướt.

Qui-Nhon

Qui-Nhon có đèn điện, nhưng chưa có đèn đường. Chập tối, nhờ đèn ở các hiệu buôn chiếu ra mà đường phố sáng sủa. Đến quãng nửa đêm, máy điện nghỉ thì cả thành phố tối om. Người ta thường dùng đèn măng xông thấp bằng dầu hỏa, và cũng thường dùng cả đèn dầu và đèn cây nữa.

Qui-Nhon là thủ phủ của tỉnh Bình-Định, trước là Cửa Thi-Nại, trước nữa là Cri Banoy của Chiêm-thành vốn là kinh đô Phật-thệ hay Đồ-Bàn, Chà-Bàn (Vijaya) của họ.

(Xem tiếp trang 38)



THÁP CHĂM ĐỒNG DƯƠNG

Tuy-Hòa Qui-Nhon

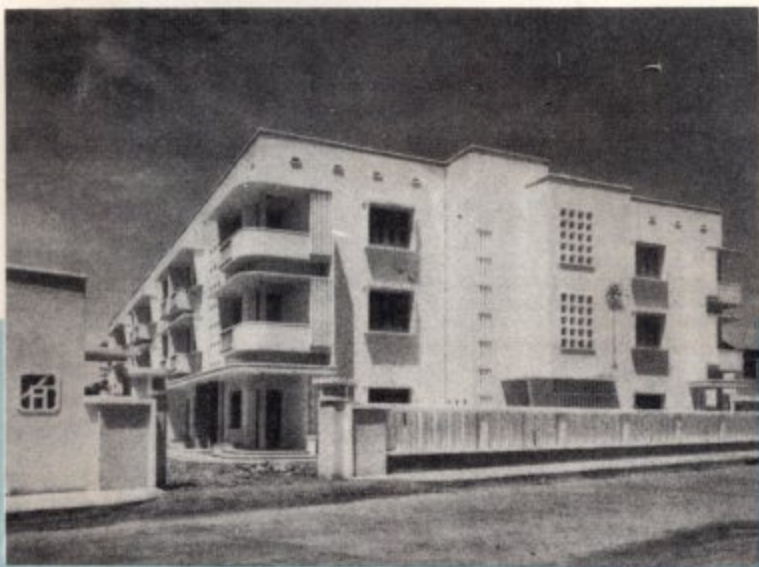
Kề cũng thú, nếu du khách được đi rong đêm tối ở quãng đường này, nhất là vào ngày đầu tháng không trăng. Chỉ có một xe với một con đường trắng nhựa đen trôi trôi như thân con trăn lớn. Một vài giọt mưa càng làm cho đường đen bóng thêm. Trên trời đen hự mực. Chỉ có một hai ngôi sao nhỏ

tranh, những vệt trắng hai bên đường và xa xa ở phía trước, cái gì lù lù như những bóng núi.

Thỉnh thoảng ở bên đường hiện ra tấm bảng vẽ cái sọ người, với hai ống xương tay, hay tấm bảng đề chữ cầu tạm. Xe lại phải đi thông thả lại cho tiếng lách cách của ván cầu gỗ vang lên hay tiếng rào rào của tôn sắt reo lên như đốt pháo.



SƯ TỬ CHÂM



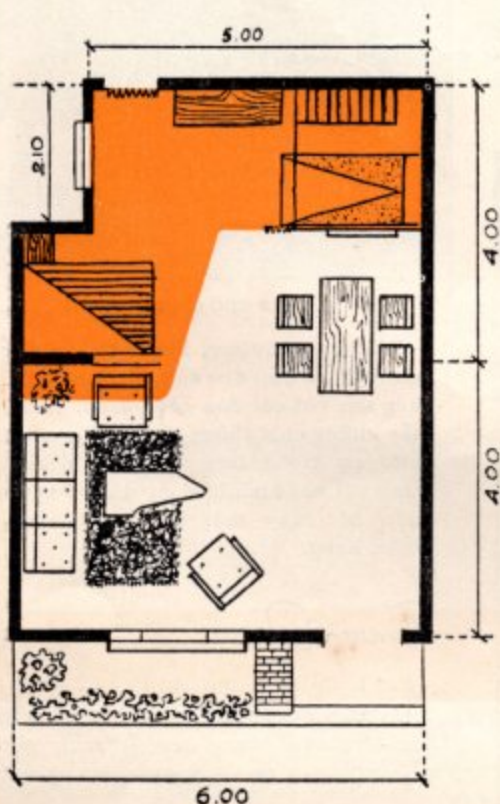
BÀI TRÍ

một

CĂN NHÀ CHUNG CƯ

tại

CƯ XÁ TÂN ĐỊNH



Cư xá Tân-Định gồm ba loại nhà : chung cư nhiều tầng, biệt thự và liên kế.

Cư xá ấy vừa hoàn thành.

Đây là một trong những cách bài trí của một căn nhà chung cư nhiều tầng, rộng 6m. dài 8m. không kể nhà phụ thuộc.

Với gian nhà này, nếu xếp đặt theo lối xưa, ngăn vách và thêm cửa thì sẽ chật chội và giảm cả giá trị của nhà.

Còn nếu ở theo lối mới làm thêm gác lửng, thì có thể có đủ phòng ăn, phòng ngủ, phòng tiếp khách, chỗ làm việc cũng như chỗ ngủ của trẻ con.

Bài trí của VĂN THANH



CHÙA THIÊN AN (QUẢNG-NGÃI)



ĐỀN THỜ BỨC KHỔNG TỬ (QUẢNG-NGÃI)

ĐƯỜNG ĐI VEN BIỂN

(Tiếp theo trang 35)

Nơi này vua Trần-Duệ-Tông đã da ngựa bọc thây. Nơi này Hoài-quốc-Công Võ-Tánh bị Tây-Sơn vây thành 2 năm liền đã ngồi lên lầu bát giác dưới đề thuốc súng mà tự thiêu mình. Nơi này trước đó 2 ngày Ninh-hòa quận công Ngô-Tùng-Châu cũng đã tự-vẫn.

Lăng Võ-Tánh xây ngay trong thành Đồ-Bàn cũ và điện Hiền-Trung-Tử cũng dựng tại đây để thờ, trước mặt lầu bát giác nơi ngài hóa thân. Hai con sấu bằng đá chạm của Chàm cũ đã được khiêng tới gắn vào 2 bên sân. Một tòa điện thờ đã đổ nát, chỉ còn cột kèo với sườn nhà bằng gỗ đương phơi mình dưới nắng nua.

Trên đường vào lăng Võ-Tánh, trước khi tới lăng, có một ngọn tháp Chàm

dựng trên đỉnh đồi, cao chừng 15th. Tháp này khác những tháp khác ở diêm có cột đá bốn góc. Cột đá đã được dựng thành bằng những cục đá vuông xếp chồng lên nhau, ngoài có chạm hoa, trong có những lỗ để chịu những chốt cũng bằng đá. Ở bốn góc tháp cũng có nhiều thần tượng khác bằng đá và ở chung quanh bên dưới, lại có một đai bằng đá nữa. Xem về như đây là kinh đô, nên tháp làm cũng công phu cầu kỳ hơn ở những nơi khác.

Bình-Định

Bình-Định khiến du-khách vừa đặt chân tới đã có thiện cảm ngay, là nhờ những nhà vách đất, mái dốc trên 45°

MỘT ĐƯỜNG PHỐ CỎ Ở HỘI-AN



bằng cỏ tranh làm rất nuốt nà cân đối. Nó biểu lộ mỹ quan đặc biệt của người Bình-Định và biểu lộ bàn tay khéo léo của người dân quê một vùng riêng, mà bất cứ trong cuộc hội chợ đấu xảo nào từ xưa, cũng đã chiếm ưu hạng về nghề dệt chiếu, dệt dũi, dệt tussor.

Người Bình-Định quả đã khéo tay. Vào ăn cơm trong một quán lá nhỏ bên đường, khách sẽ nhận thấy ngay sự tổ chức khéo léo đã thấm sâu vào mọi người dân trong tỉnh.



XE ĐẠP THỜ Ở QUẢNG-NGÃI

Và nhìn ra đường, khách thấy những người đi xe đạp đeo những quang thùng đằng sau với cái đòn gánh ngắn. Khách thấy những chòi thông tin, những người chờ sự trong làng đi đứng nghiêm trang nói năng hòa nhã, và những người buôn bán ngay thật không xiết hòng khách hàng.

Tam-Quan

Rời Bình-Định, qua đèo Phú-Cũ chừng 2 cây số và qua cầu gỗ ở Bồng-Sơn là Tam-Quan với rừng dừa ở ranh giới Bình-Định và Quảng-Ngãi.



LANG CỎ

Sa - Huỷnh

Khởi Tam-Quan là ruộng muối rất rộng, ở Phở-Thanh, Đức-Phở, Sa-Huỷnh, Mộ-Đức mà Sa-Huỷnh là tên tiêu biểu cho cả vùng đó.

Đó là một cái ga lớn cho xe lửa đến lấy muối và có nha Thương-Chính để kiểm soát và thu thuế cả vùng.

Ruộng muối màu nâu bạc với những đường ruộng nhỏ thẳng tắp, ngang dọc như đan bên bờ biển, không thấy một cây cỏ nào, đã mỏng mảnh như thể đến vài chục mẫu. Sa-Huỷnh, ngoài vai trò kinh tế của nó, lại đã vào lịch sử vì người ta đã tìm thấy tại đó những cổ vật về đời tiền sử, trước khi có Chiêm-Thành. (xem bài cổ vật Sa-Huỷnh của Hồ Đắc Cáo).

Quảng - Ngãi

Người Bình-Định khéo, người Phan-Thiết thực, người Nha - Trang nhã, nhưng người Quảng-Ngãi thì lại đậm hơn tất cả.

Trông cái lọng che nắng rất đơn sơ, bằng một khúc tre cắm dưới đất nghiêng theo chiều của mặt trời, trên đầu là dăm ba tàu lá, gài lên một tấm đan bằng tre, ở những chỗ có guồng tát nước hay ở những chỗ tát bằng gầu, dưới nắng hè, ta phải phục tãi tháo vát của dân Quảng-Ngãi.

Rồi lại trông cái xe đạp thồ chỉ có hai bánh, người ta đã nối dài thêm tay lái ra bằng một gậy tre, nối thêm yên cao lên bằng một gậy tre nữa để đỡ đỡ nhiều bằng sức chèo của một cái xe bò, ta lại càng phải phục sức kiến của người Quảng-Ngãi, dầu cho chính các nước Âu-châu sản xuất ra xe đạp, chắc cũng chưa lúc nào lại dám nghĩ rằng xe đạp còn có thể có công dụng ấy.

Ta sẽ vì đó mà không lấy làm lạ về những guồng tát nước tự động lớn nhất trong nước, và cũng không lấy làm lạ về nét mặt rắn rỏi, màu da bánh mật, thân hình tầm thước chung của người Quảng-Ngãi, nó bộc lộ một dũng cảm và một sức chịu đựng phi thường. (Xem

bài guồng tát nước tự động của Quảng-Ngãi).

Ta đoán phỏng rằng trong cuộc di-dân ở những thời lịch sử xa xưa, người Cầu Vòng Yên-thế đã vào Quảng-Ngãi, người Hà-Đông đã vào Bình-Định, người Thanh-Hóa đã vào Phan-Thiết, người Hải-Dương đã vào Nha-Trang. Không rõ có đúng không? Nhưng những đặc tính hao hao giống nhau ấy đã khiến ta phải nhớ lại vết chân nam tiến của người xưa.

Quảng-Ngãi có hai thắng cảnh là núi Thiên-Ấn và bãi biển Mỹ-Khe. Trên núi

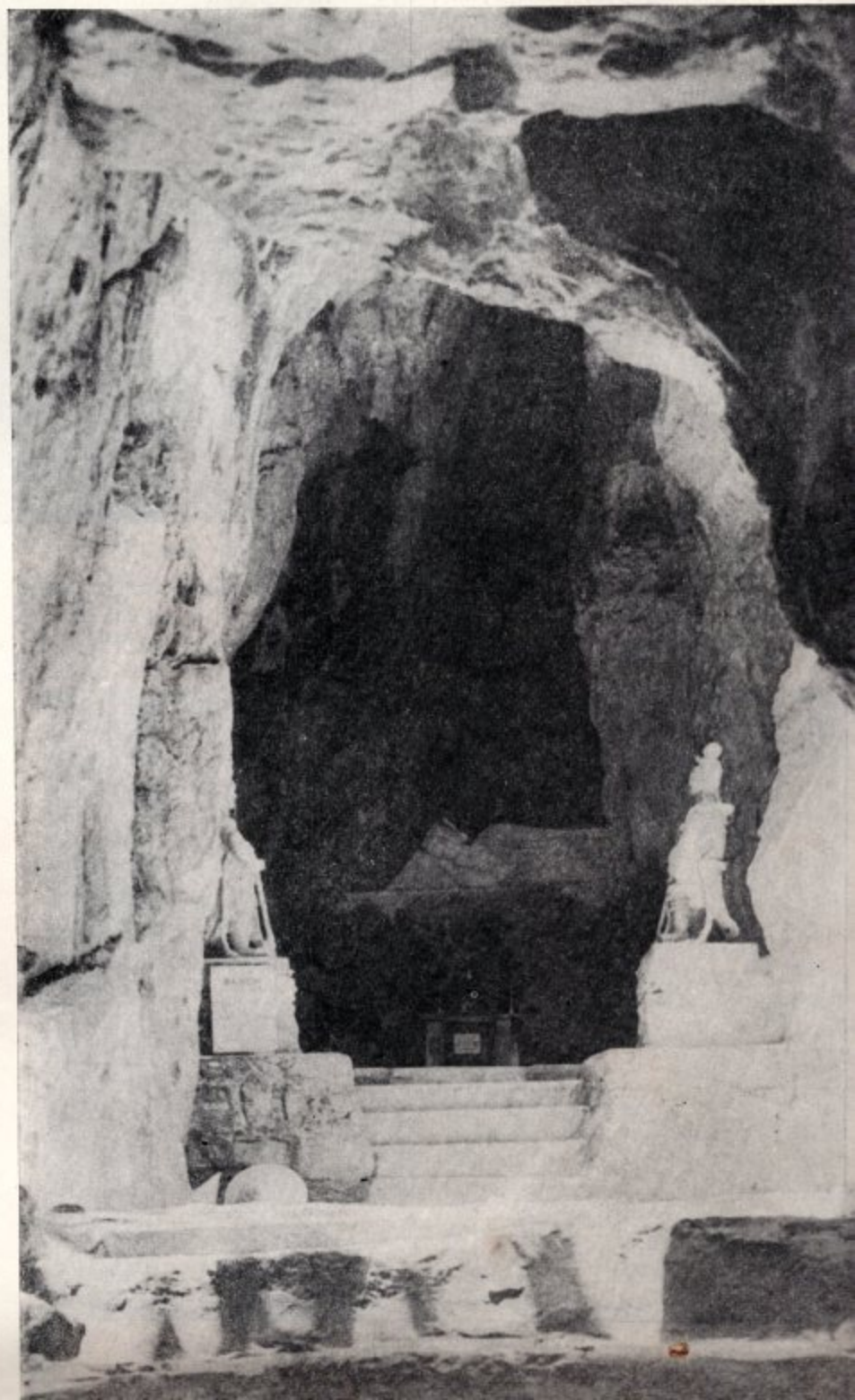
Thiên-Ấn hiện có ngôi mộ của nhà chí-sĩ Huỳnh-thúc-Kháng.

Mộ Cụ trước kia chôn ở bên dưới, sau ngày tiếp thu vùng Quảng-Ngãi, Chính-phủ Cộng-Hòa mới cho dời mộ Cụ lên núi Thiên-Ấn và xây lăng một cách trang trọng.

Làng Mỹ-Khe ở trong bóng rợp của dừa và trong tiếng reo của phi-lao. Con đường chính của làng, cũng là đường đi trên bờ sông, xe hơi đi được. Nhà ở sầm-uất, dân cư đông đúc.

Người ta đương bắc một cái cầu đước qua sông để sang bãi biển. Tạm thời phải

NGŨ HÀNH SƠN (BÀ-NẴNG)



đi qua một cái cầu tre. Nói là bằng tre, nhưng cầu cũng rộng rãi và vững chắc, xe đạp vẫn qua lại được.

Sang qua cầu đến bên kia là bờ bờ.

Bãi tắm tuy chưa bố trí được đầy đủ như những nơi khác, nhưng có nước trong, bãi rộng, chắc chắn sau này có thể thu hút được nhiều du khách.

Quảng-Nam

Trước khi tới tỉnh lỵ Quảng-nam, là Đà-nẵng, Hội-An, phải qua Tam-Kỳ.

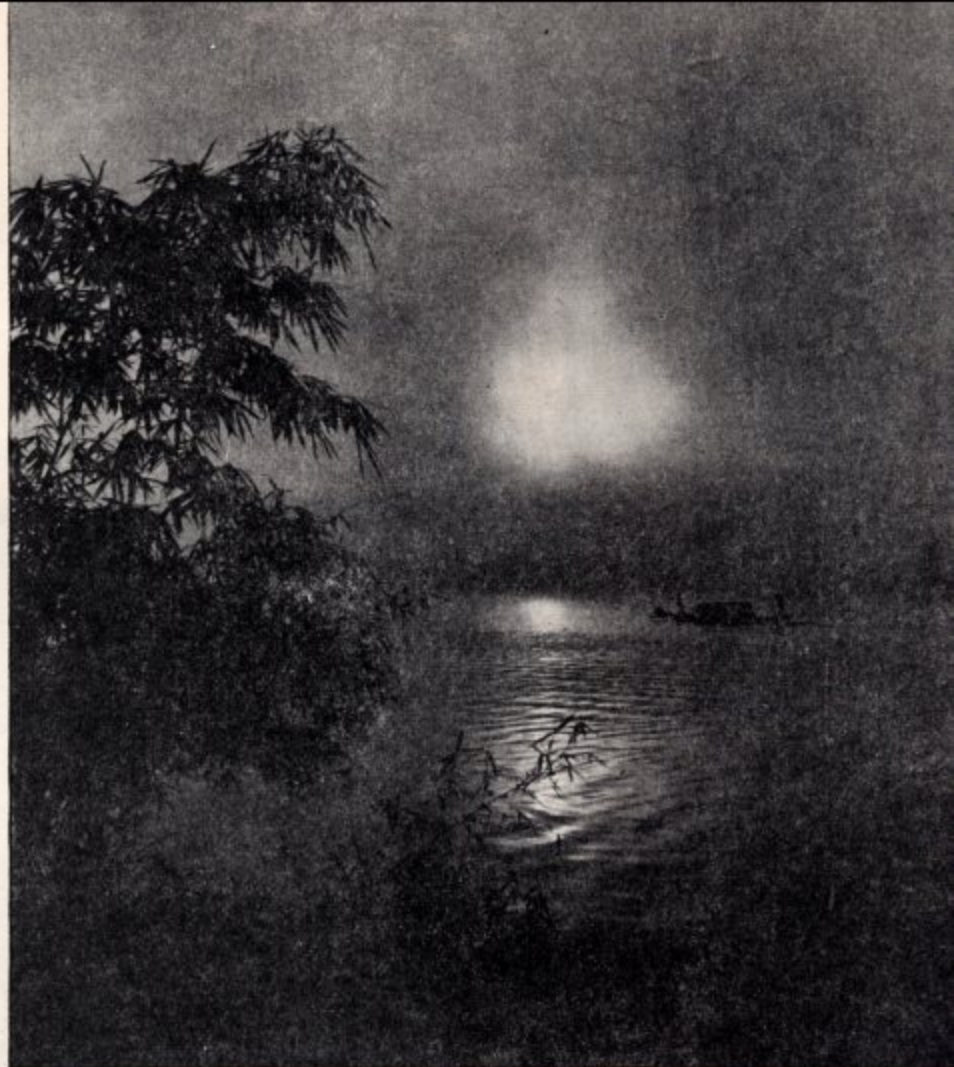
Tam-kỳ là một thị trấn, đường phố buôn bán rộng rãi, cây che bóng rợp mát suốt ngày. Các cửa hàng tạp hóa mở ra san sát.

Người đi lại có vẻ đông đúc, xe cộ không nhiều nhưng cũng có vẻ rộn rịp. Nơi đây có đường đi về Trà-My là nơi có nhiều quế, và đi về Bồng-Miêu là nơi có mỏ vàng, có đường về Đồng Tràm, Thăng-Bình là nơi có nhiều cây trầm để nấu dầu khuynh-diệp. Và còn chừng 26 cây số nữa lại có đường về Tiên-Phước.

Tiên-Phước ! Đó là quê hương của các nhà chí sĩ Huỳnh-Thúc-Kháng, Phan-Châu-Trinh ở đầu thế kỷ XX này. Đó là nơi phát tích của phong trào cần vương ở cuối thế kỷ trước. Đó cũng là nơi đã cung cho lịch sử rất nhiều nhân vật cử khôi mà lòng vị quốc vong gia còn nêu gương cho muôn thuở.

Phạm-Phú-Thứ, Trần-Quý-Cáp, Hoàng-Diệu, (chỉ kể tên những nhân vật chợt nhớ tới) đều đã là người Quảng-nam.

Điều đặc biệt đó muốn như là do ảnh hưởng của sông núi. Quảng-nam xưa vốn là linh địa của Chăm (Amaravati) để tập trung những tinh hoa của dân



SÔNG HƯƠNG MỘT ĐÊM TRẮNG

Ảnh Ng. Khon Lợi

tộc ấy ở Đồng-Dương, Mỹ-Sơn, Trà-Kiệu, nhất là Trà-Kiệu vốn là thủ đô chính của Chăm hồi trước thế kỷ thứ VIII.

Muốn đến Trà-Kiệu, Mỹ-Sơn phải rẽ qua đường lên Quận Duy-Xuyên gần 30 cây số đường đi vất vả. Ở đó còn nhiều bia (123 cái) còn nhiều tháp (68 cái mà còn đứng vững khoảng 30 cái). Còn những tượng đá, những trang bị của đền bằng đá, những bệ thờ rơi đổ, đề bảo tồn, người ta đã đưa về đặt cả ở Cổ viện Chăm tại Đà-Nẵng.

Hội-An

Đường từ Tam - Kỳ ra để đi. Quang cảnh đã có vẻ phú túc. Đã có người con gái nhỏ chừng 13, 14 tuổi mặc đầm đi xe đạp. Đã có đồng ruộng xanh tươi. Mặc dầu qua chợ Hà-Lam, qua đường về Việt-An, Tân-An, đất ruộng còn bị cát xâm lấn, đến chợ Mộc-Bãi thì đất ruộng đã khá nhiều. Làng xóm có vẻ sầm uất. Có nhà gạch mái ngói.

Khỏi làng Xuyên-Quang sầm uất, tới sông Cầu-Lâu là bắt đầu trông thấy vẻ gần đến tỉnh thành Hội-an. Cầu Cầu-Lâu bị phá còn phải qua phà máy. Xe cộ qua phà rất đông. Người khách bộ-hành với người dắt xe đạp xe vết-pa cũng khá nhiều, chen chúc nhau trên phà.



CỬA NGỘ MÔN (HUẾ)

Khi cập bến, xe lên một quãng, tới khoảng đường tráng nhựa rất tốt. Trời nắng về chiều, mặt trời từ phía trước chiếu xiên lại, trông đường nhẵn như một mặt gương.

Khởi xã Vĩnh-Xương, chợ Vĩnh-Điện đến ngã ba thường gọi là Điện-Bàn thì có một lối rẽ vào Hội-An, một lối ra Đà-Nẵng.

Hội-An đặc biệt nhất có cầu chùa Nhật-Bản ở cuối đường Duy-Tân, và có dãy nhà cổ kính nhất ở đường Cường-Đề, trông hao hao giống phố Hàng Chả-Cá, Hàng Vải-Thảm, Hàng Bạc ở Hà-Nội.

Nhà thì cái rộng, cái hẹp, cái cao, cái thấp, cái nhỏ ra đến sát lề đường, cái lùi vào trong đến 2, 3 thước.

Màu đen xạm của ngói, màu bóng nhẫy của gỗ trên những cửa, những bao lơn, trần song con tiện, tường vôi trắng, vôi đầu hồi nhà, đao mái, lỗ thông hơi, ... ôi! nó kêu gọi cho khách biết bao nhớ nhung Hà-Nội.

Đường uốn theo nhà có từ trước, nên không ngay ngắn, nghiêng lệch bên này bên nọ, hẹp chỉ vừa 2 cái xe đi.

Đến thăm phố này thì thấy ngay cảnh người ta thân mật với nhau một cách lạ thường. Tưởng như một nhà có đứa trẻ ho thì cả phố đã chạy đến.

Cảnh sát giữ trật-tự chỉ đường cho xe đi, lâu lắm mới phải giơ tay, không đến nỗi vất vả như những nơi khác. Vài thiếu nữ, như người Hàng Bạc, lững thững dắt tay nhau đi giữa đường. Vài cửa hiệu, có bảng hiệu chữ nhỏ, sơn then thép vàng trên đầu tủ, kẻ sát tấm ván đen bóng, ngay cạnh cửa lùa mở toang ra. Thoảng nhìn qua cửa ngán thấy ánh sáng ở sân trong, đoán là có bể nước, có bình phong, có câu đối đắp vôi, có dàn trâu không, có vài chậu phong lan, có thau đồng rửa mặt, có kỷ chè, có ghế tựa, và tất nhiên có một vài ông già bà già, ngồi nhìn nhau mà không nói.

Đà-Nẵng

Hội-An phải đi ngược trở ra Điện-Bàn tới đường quốc lộ số 1 mới có lối đi Đà-Nẵng, khoảng gần 30 cây số.

Đà-Nẵng là một thành phố mới, đường đi rộng rãi ngay ngắn, nhà cửa đồ sộ khang trang. Có cây mát trồng hai bên lề đường và đặc-biệt là có hoa phượng. Hoa phượng màu đỏ tươi như môi hồng thắm của các nữ sinh trong ngày bãi trường, hoa phượng đã nở trên khắp các ngọn cây giữa phố phường đông đúc, và hoa phượng đã rụng trên hè, trên mặt đường tráng nhựa, như những xác pháo toàn hồng.

CỬA VÀO THẾ MIẾU (HUẾ)

Đà-Nẵng vui và rộn-rịp. Người mua bán tấp nập. Xe cộ cũng rộn ràng. Đèn nê-ông xanh đỏ xen với đèn đường sáng rực, giữa những tiếng ca hát của đài phát thanh.

Đại lộ chính làm dựa trên mé sông có vườn hoa, có ghế ngồi nghỉ mát. Và sông, nước êm như mặt nước hồ, trong một màu trong của ngọc thạch, đã là nơi cho người ta thả ca-nô máy chạy lên chạy xuống dập dề.

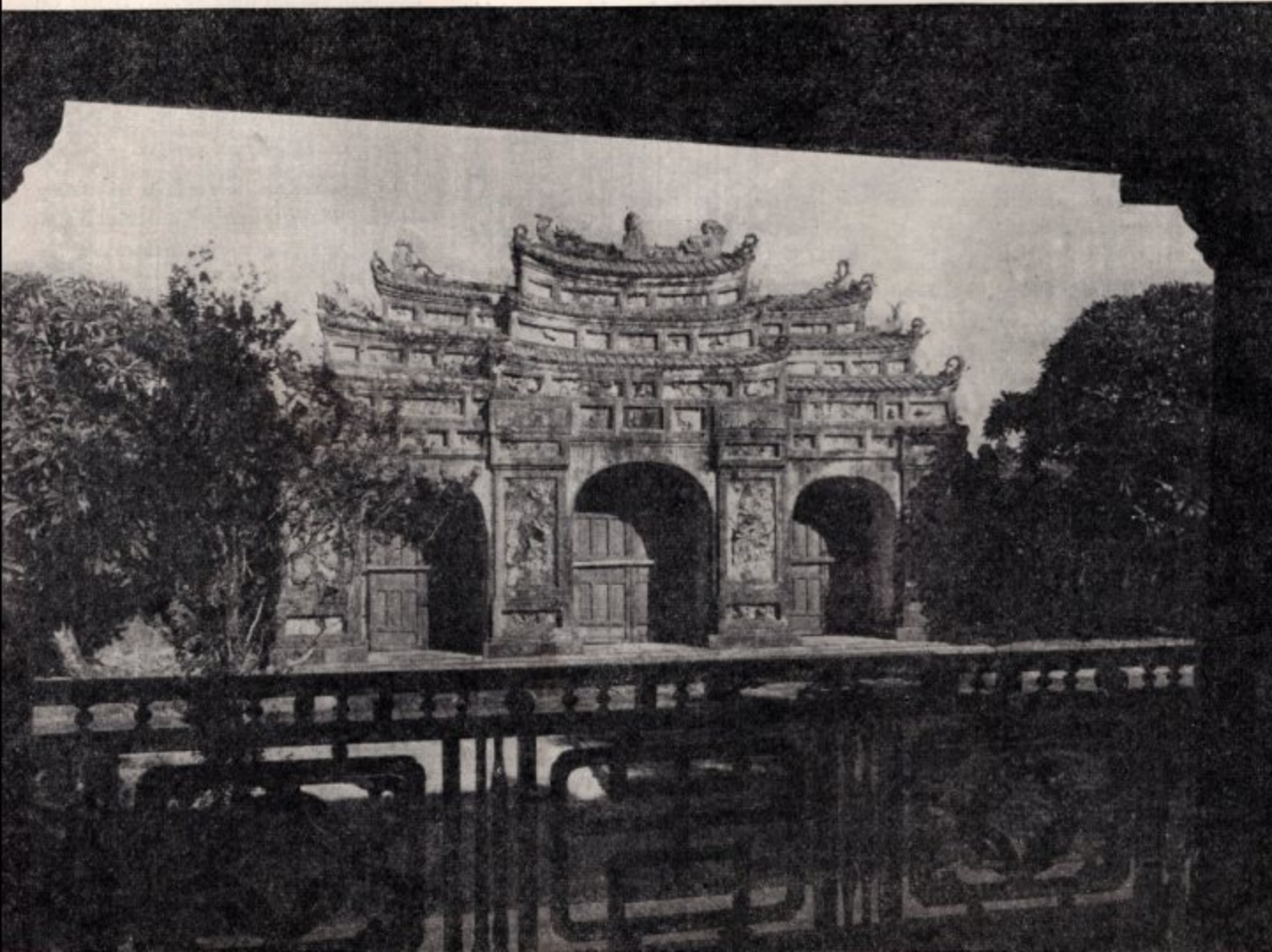
Bãi biển Tiên-Sa

Người Đà-Nẵng có vẻ tươi-trẻ. Màu sắc của Đà-Nẵng là màu sắc thanh lịch nhưng không diêm dúa, nhanh nhẹn nhưng không máy móc. Nó là cái đẹp dịu dàng của Huế trộn với cái nhả độ đáng yêu của Sài-thành.

Đi từ tỉnh ra qua cầu đúc có đường rẽ về Ngũ-Hành-Sơn và đường thẳng đi đến hòn Sơn-Trà và bãi biển Tiên-Sa, gọi nôm là bãi Nôm.

Bãi bề rộng. Không có sóng lớn. Nước trong xanh màu lá cây. Lở nhô vài cục đá. Hòn Sơn-Trà in hình trên mặt nước ấy giữa khoảng mây trắng trời xanh. Thật xứng đáng là một hồ tắm của Tiên-Sa.

(Xem tiếp trang 53)



THIỆT KÊ ĐÔ THỊ

GIẢI TỎA ĐÔ THỊ

(tiếp theo và hết)

Bài của LÊ - VĂN - LÂM



Sự giao-thông khó khăn.

Sự giao-thông và vận tải ở các đô-thị lớn thường rất khó khăn, vì số dân càng đông thì xe cộ càng nhiều và dễ gây ra tai nạn.

Những kinh-đô lớn như Luân-Đôn, Ba-Lê, sau giờ làm việc đường sá thường bị nghẹt, và nhiều quãng đường đi bộ còn nhanh hơn đi xe. Về vấn-đề tai nạn, người ta nhận thấy các kinh-đô lớn thường xảy ra nhiều tai nạn xe cộ hơn hết. Ở Mỹ mỗi năm đổ đồng 40.000 người chết về xe cộ. Vì thế nên các đô-thị lớn thường tìm những phương pháp cho tài xế cần thận để giảm bớt số tai nạn.

Ở Detroit, trên các đường lớn vào thành phố, có những bản hiệu cho biết mỗi ngày có 10 người thiệt mạng về xe cộ và coi chừng anh sẽ là... người thứ 11.

Ở Philadelphie có bản kê rõ tên họ địa-chỉ những người tử nạn về xe cộ trong năm.

Ở Washington còn giãn-dị hơn nữa, người ta ghi trên bản địa-chỉ những nhà táng xác để khi có tai nạn thì tìm đến v...v...

Vấn-đề tiếp-tế lương thực, điện, nước.

Ngoài những tai hại kể trên, vấn-đề cung cấp lương thực cho một đô-thị lớn là cả một bài toán. Muốn cung cấp đầy đủ, chẳng những vùng ngoại-ô đô-thị, mà luôn cả các tỉnh ở hậu-phương, đôi khi còn phải nhờ đến các nước lân bang phụ giúp.

Đô-thành Saigon-Cholon muốn có rau cải phải chờ chuyên tạt Đà-lạt cách xa 300 cây số, muốn có đồ gia-súc phải mua ở Nam-Vang, và những lúc bị hạn-chế phải nhập-cảng thêm thịt nguội ở các nước Âu-Châu.

Vấn-đề cung cấp nước uống là điều tối quan-trọng cho đời sống ở đô-thị, cũng chưa giải-quyết được hoàn-hảo. Số phân phát nước uống mỗi ngày là 150.000 thước khối, con số tiêu thụ tính theo dân số phải 3, 4 lần nhiều hơn. Nhiều vùng mới thành lập ở ngoại-ô không đủ nước uống, phải chen lấn và làm đuôi hàng giờ ở các phòng-tên bên lề đường để gánh nước, vừa phí thì giờ, vừa hại sức khỏe của dân chúng.

Vấn-đề cung cấp điện cũng thế vì không đủ hơi nên thỉnh thoảng phải « cúp » điện từ vùng, và những nhà mới cất, xin phép vô điện là một sự khó khăn, nên nhớ tất cả số điện tiêu thụ ở Đô-thành hiện giờ lên đến 80% số điện tiêu-thụ toàn quốc.

Nạn thất nghiệp.

Sau khi trình bày một vài tai hại ở những đô-thị to lớn, chúng ta không nên quên một nguy cơ khác rất quan-trọng, ảnh-hưởng cho nền kinh-tế trong nước là nạn thất-nghiệp.

Đô-thị càng lớn thì nạn thất-nghiệp càng nhiều, nguyên nhân vì những hãng xưởng không đủ chỗ cho tất cả mọi người làm việc, trong lúc ấy thì ở đồng quê ruộng đất bỏ hoang chẳng ai cày cấy làm suy giảm một phần huê lợi trong xứ. Mỹ là một đại cường-quốc, nền kỹ-nghệ được tiến triển mạnh mẽ nhứt, nhưng có hơn 5 triệu người thất nghiệp (tính theo số dân toàn quốc thì trong một trăm người có 86 người làm việc và 14 người thất nghiệp).

Ở Á-Châu nạn thất nghiệp tại những đô-thị lớn càng trầm trọng hơn nữa. Nhật-Bổn là xứ hùng-cường nhứt nhưng số người thất-nghiệp có đến 55%, Ấn-Độ 60%, Phi-Luật-Tân 62%, Nam-Dương 65% và xứ ít thất nghiệp nhất là Thái-Lan 50%, tất cả các xứ Á-Châu số người thất-nghiệp bỏ đồng lên đến 60%.

Xứ mình số người làm việc cao hơn mực trung bình, nhưng từ tháng chạp năm 1953 đến tháng sáu 1956, vì vấn-đề kinh-tế số người làm việc bị giảm xuống 6,3% ; điều này rất dễ hiểu vì xứ mình hiện giờ nền kỹ-nghệ chưa được phát triển lắm, không thể cung cấp việc làm cho tất cả dân chúng thặng dư ở Đô-thành.

Trên đây là những đại cương về các tai hại ở đô-thị. Nhiều nguy cơ khác không kém phần quan trọng mà chúng ta không thể nêu ra hết trong phạm vi bài này.

Vấn đề sức khỏe của dân chúng trong đô-thị lớn không được bảo đảm vì đô-thị càng lớn, thì xe cộ càng nhiều càng ãn-ào, rầm rộ suốt ngày đêm, không lúc nào người ta được yên tĩnh nghỉ ngơi.

Về vườn chơi trẻ con, sân vận động và các vườn hoa công cộng thường hiếm hoi, rất ít, vì đất ở đô-thị rất đắt tiền, chính-phủ cũng như tư-nhơn đều muốn cất công-sở và tư-gia lên trên tất cả đất trống trong thành phố.

Vấn đề văn-hóa, ở các đô-thị lớn nhiều khi không giải quyết một cách chu đáo, trẻ con thường không có trường để học, ở địa-phương có nhiều học sinh mỗi ngày chỉ học một buổi, và thường trường học xa nhà, học sinh phải mất rất nhiều thì giờ để đến trường.

..

Tóm tắt lại vì muốn tránh những tai hại kể trên, nên hầu hết các nước trên thế giới đều nhìn nhận rằng khi dân ở đô-thị lên quá 1 triệu thì đời sống dân chúng sẽ bắt đầu khó khăn và tất cả đều tìm những biện-pháp để ngăn cản số dân ở hậu-phương lên đô-thị. Những kinh-đô vì ảnh hưởng trong nước quá to lớn nên dân chúng đến ở rất đông, thì người ta tìm cách để giải tỏa đô-thị là một phương-pháp để đem một phần dân số ở đô-thị ra hậu phương, để lập lại sự quân bình về dân-số ở hai vùng này.

Giải tỏa đô-thị mới giải-quyết được vấn đề nhà cửa, mới gây lại được sự điều hòa trong cuộc giao-thông và vận tải, mới tránh được nạn thất nghiệp, nạn thiếu trường học, mới dùng những đất trống để kiến thiết sân vận động, nhiều vườn chơi cho trẻ con và như thế mới bảo đảm được sức khỏe của dân chúng ở đô-thị.

..

Tóm lại bộ Kiến-Thiết và Thiết-Kế Đô-Thị trù liệu vấn đề giải-tỏa Đô-thành Saigon - Cholon là một việc hết sức hợp thời và chúng ta rất hy vọng cho chương trình ấy được thực hiện gấp rút để đem lại tất cả phương tiện về vật chất và tinh thần cho dân chúng ở địa-phương.

LÊ VĂN LÂM

HỘP THƯ

Ô. Mai Cao Thành, Phanrang : 1. — Cần cho biết rõ các sắc thuế đã đóng là những sắc thuế gì. Nếu không phải những sắc thuế của một tài sản tư hữu thì không thể nhận công thổ ấy là đất tư hữu được. Sự khai khẩn và ở trên 30 năm trên miếng đất ấy chỉ cho phép con cháu được quyền tiền mãi. Vậy đề cho chắc chắn, ông nên điều đình sang tên đất ấy.

2. — Làm nhà gạch phụ cận tỉnh lỵ, cách xa quan lộ vẫn nên phải xin phép xây cất, dù là đất tư của mình. Điều ấy chỉ có lợi cho đương sự. Vì khi tỉnh lỵ mở mang, rất có thể đường sẽ chạm phải. Nếu trước không có giấy phép thì sau lấy gì làm căn cứ đề đòi bồi thường thiệt hại ?

3. — Trường hợp đã xây cất rồi thì nên vẽ bản đồ ngôi nhà cùng vị trí nhà trên miếng đất đề gởi đi xin hợp thức hóa việc xây cất.

4. — Nhà đất pháp luật chưa có gì đề công nhận là của mình thì bán mua riêng với nhau, mất còn là tùy hai bên. Chớ đáng bạ thì trong sổ địa bạ có tên người có đất đâu mà gọi là hợp lệ ?

Ông Tỉnh Trưởng Tây Ninh. — Đã nhận được bài Danh lam thắng cảnh Tây Ninh, cùng với ảnh. Sẽ đăng trong báo Xây Dựng Mới số sau. Rất cảm ơn ông.

Ông Bùi Quang Tùng, Phan Rang : 1. — Đồng ý với ông về việc tăng giá bài vở cho mục chuyên môn.

2. — Mong có sự tham gia ý kiến của ông về công cuộc kiến thiết và thiết kế đô thị đề đăng vào mục Diễn đàn chung.

3. — Kiểu nhà mới, có đủ bản đồ, thề thức xây cất và chi tiết chiết tính với giá ước lượng xin đón xem Xây Dựng Mới số 5. Cùng xuất bản với báo số 4 này, Kiến Ốc Cục có in và phát không một tập sách trong có rất nhiều kiểu nhà đã xây cất và sẽ xây cất với bản đồ và các chi tiết xây dựng. Muốn có tập sách ấy, xin đến hoặc biên thư hỏi Quốc Gia Kiến Ốc Cục 60 Đoàn-thị-Điêm Saigon.

4. — Luật lệ xây cất nhà ở, chúng tôi đương soạn một cuốn sách riêng đề phổ thông những luật lệ ấy.

5. — Mục y phục phụ nữ cần phải có, vì cuộc sống đẹp không những đẹp về nhà ở, về đồ đạc bày biện bên trong, mà nhất là còn về quần áo trang nhã.

Y phục trang nhã tôn giá trị con người lên và chỉ phối luôn cả cử chỉ hành vi của con người nữa.

Ông Nguyễn văn Đình, Sông Mao. — Hiện thời các sách viết về kỹ thuật xây dựng nhà cửa, cầu cống, bằng viết văn còn rất hiếm. Ông ráng chờ đợi ít lâu sẽ có.

Chúng tôi hết sức mong cho báo này ra được đều. Nhưng vì ấn loát công phu, vấn đề nhà in hiện cũng rất khó khăn, nên số 4 này ra cũng hơi muộn. Qua năm sau chúng tôi sẽ cố sức cho ra được từ 8 đến 10 số.

Bạn Nguyễn Khoa Lợi, Huế. — Đã nhận được đủ ảnh. Đẹp lắm. Sẽ đăng dần lên báo. Những ảnh đăng báo sẽ ghi rõ tên tác giả và nhà báo sẽ tính tiền tác quyền với bạn.

BÁO MỚI

Chúng tôi nhận được tin Ông Lê Hữu Mục đã cho xuất bản tại Huế, một tờ tuần báo lấy tên là Rạng Đông. Ông Võ Long Tê làm chủ bút và Ông Hoàng Hữu Pha làm thư ký tòa soạn. Báo 32 trang khổ lớn in 2 màu, giá 8\$.

Vậy xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc và chúc báo Rạng Đông phát triển mạnh trên văn đàn.

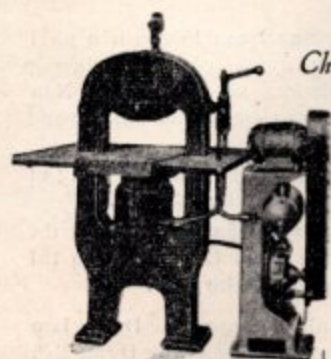
XÂY DỰNG MỚI

HÃNG GẠCH BÔNG ÉP BẰNG MÁY ĐIỆN

THANH-DANH

242, ĐƯỜNG CỐNG-QUỲNH (ARRAS CŨ)

ĐIỆN THOẠI : 22.906 — SAIGON



MÁY
ĐIỆN
IN
GẠCH

Chuyên Môn Sản Xuất :

- GẠCH TRƠN
- GẠCH BÔNG
- GẠCH HOA ĐÁ
- GẠCH HỘT

ĐẶC ĐIỂM
CỦA GẠCH
HÃNG
THANH-DANH :

ĐẸP.
DẪY.
CHẮC CHẮN.
MEN DẪY.
MÀU
KHÔNG
PHAI.



Hãng GẠCH BÔNG ký cưu ở miền
Nam Việt-Nam sáng lập từ năm 1910

(Hãng cũ MASACAMO
của BROSSARD MOPIN)

XÂY DỰNG MỚI

khắp nơi

MỘT TỈNH MỚI : BÌNH TUY

Quận Hàm Tân xưa là một nơi rừng rú heo lánh nhiều
cọp dữ muỗi độc, nên ít người nghĩ đến chuyện tới đó làm ăn.

Từ sau chiến tranh, Hàm Tân được sáp nhập vào Bình
Tuy thành một tỉnh mới.

Đường giao thông đã có để liên lạc với các vùng xung
quanh. Nhà cửa đã mọc lên theo một nhịp rất nhanh.

Dân chúng vừa kiến thiết vừa ở, vừa kiến thiết vừa buôn bán.

Để thêm chỗ rộng rãi cho sự mở mang Bình Tuy thành một
trung tâm thương mại giữa trục giao thông của Nam phần với
Trung phần, người ta đã bắt đầu rời các cơ quan hành-chính
đến một trung khu cách bờ biển chừng 5km.

Nơi đây các cơ quan này đang được xây dựng gấp rút.

Bộ Kiến-thiết đã xây cất một cư xá rộng lớn ở ngay lối
vào đầu tỉnh, để góp phần vào việc xây dựng tỉnh mới. Cư xá
gồm nhiều loại nhà song lập, liên kế, biệt lập, bán trả góp cho
dân chúng địa phương.

Ngoài ra Nha Du-lịch quốc gia cũng đang nghiên cứu chương
trình sửa sang lại La-Gi thành một trung tâm du-lịch.

TIN GIỜ CHÓT

Trong khi Tập chí này đã lên khuôn, chúng tôi nhận được
tin Tổng Thống mới ký Sắc-lệnh số 503/TTP ngày 7 tháng 10
năm 1958, cải bộ Kiến-thiết thành Nha Tổng Giám đốc Kiến
Thiết và Thiết-kế đô thị trực thuộc Phủ Tổng Thống.

Ông Trần văn Nam, chánh kỹ sư Công Chánh giữ chức vụ
Tổng Giám đốc kể từ ngày 7-10-1958.

Cuộc bàn giao đã diễn hành ngày 14-10-1958 hồi 9 giờ giữa
ông cựu Bộ trưởng Hoàng Hùng và ông tân Tổng Giám đốc
Trần văn Nam trong bầu không khí thân mật và vui vẻ. Ông
Tổng Giám đốc có nhã ý giữ tất cả các nhân viên văn-phòng
bộ cũ ở lại làm việc để công cuộc xây dựng chung được thêm
phần hoàn hảo.

G

CÁI NHÀ SẼ ĐƯỢC SẢN XUẤT THEO LỐI KỸ NGHỆ

Chúng ta phải kiên-nhẫn và tin-trưởng rằng : Cái nhà rồi
đây cũng sẽ được sản-xuất như những dây xe hơi, những đồ bài-
trí trong nhà, những chiếc đồng-hồ đeo tay hay những đôi giày.
Mọi vật dùng để thỏa-mãn nhu-cầu vật-chất của con người đều
đã được sản-xuất theo lối kỹ-nghệ để có thể sản-xuất được nhiều,
được tốt mà lại rẻ tiền. Thì cái nhà rồi đây cũng phải theo đà
chung ấy.

Trong địa-hạt xây-dựng vẫn có hai yếu-tố tương-phản, luôn luôn
tiến-triển ngược chiều với nhau : giá xây-cất càng rẻ thì « mức ở »
của con người càng lên cao ; trái lại, giá xây-cất càng lên cao thì
« mức ở » của con người càng xuống thấp. Vì vậy, chúng ta
phải tìm đủ phương-pháp hạ giá xây-cất xuống mức tối-thiểu để



KHU NHÀ KIẾN ỨC CỤC TẠI BÌNH-TUY

nâng cao « điều kiện ở » của con người lên mức tối-đa. Đó không phải là công việc riêng của các kiến-trúc-sư, mà là công việc chung của các nhà chính-trị-gia, xã-hội-học, các nhà hành-chánh, v.v... Và muốn đạt mục-đích trên, sự « kỹ-nghệ-hóa » công việc xây cất nhà ở là một điều bắt-buộc không thể nào dưng được.

Kỹ-nghệ-hóa việc xây cất nhà ở đã tiến tới đâu ? — Phải phụ - trách xây-cất một vài công-trình kiến-trúc lớn, mà thời-hạn thi-hành công-tác lại quá eo-hẹp và cấp-bách, kiến-trúc-sư André Spinetta đã bắt-buộc bạo-dụng chính-sách « kỹ-nghệ-hóa ». Ông là người đầu tiên đã dám châm cái ngòi kỹ-nghệ-hóa trong địa-hạt xây-dựng.

Hiện nay người ta mới tiến tới chỗ sản-xuất những thành-phần tiền-chế của nhà rồi chở đến công-trường và lắp lên. Nhưng vẫn còn phải làm tiếp theo bao

hiều công-tác khác nữa, vẫn còn phải dùng những vật-liệu nặng gắn chặt lại với nhau ; vẫn còn phải làm việc ngoài trời và công-tác vẫn có thể bị đình-trệ do thời-tiết xấu ; công-tác phối-hợp và giám-thị còn gặp khó-khăn. Tóm lại người ta vẫn chưa sao bỏ được cái « công-trường ».

Với những thành-phần tiền-chế, đã được sản-xuất theo lối kỹ-nghệ, công-tác đại-thể tiến-triển vô cùng tốt đẹp hơn xưa. Nhưng còn sự phối-hợp của công-tác hoàn-tất ? Theo kiến-trúc-sư Marcel Lods thì chúng ta còn phải tiến xa nữa tới khi nào bỏ hẳn được « công-trường ». Và khi đó, mọi bộ-phần kiến-trúc đã được chế-tạo hoàn-hảo trong nhà máy ; người ta chỉ còn thêm hai công-tác : chuyên-chở đi và lắp lên là xong một cái nhà.

Một vài công-tác thí-nghiệm. — Những phương-pháp hoàn-toàn mới nhiều khi đem lại kết-quả mỹ-mãn ngay, miễn là phải được nghiên-cứu kỹ-càng.

Trước hồi chiến-tranh, người ta đã thử lắp bằng các bộ-phần kiến-trúc tiền-chế tiền-diện một cái nhà cao 15 thước rộng 40 thước, — công-tác thi-hành trọn-tru trong hai ngày và chỉ cần một công-trường-trường và hai phụ-tá giúp việc — Trong thời-gian thi-hành công-tác không xảy ra mảy-may vấp-vấp và suốt hai mươi năm nay tiền-diện cái nhà đó vẫn y-nguyên.

Ngay như cái chợ tại thành-phố Clichy bên Pháp cũng dùng toàn bằng vật-dụng tiền-chế : khung chợ được chế-tạo tại tỉnh Schewartz Hautmont, các tường ngăn trong chợ được sản-xuất tại tỉnh Nancy. Vậy mà khi chở các bộ-phần đến lắp lên thì thấy rất dễ-dàng và ăn-khớp. Từ đấy đến nay, chợ vẫn chưa phải sửa chữa.

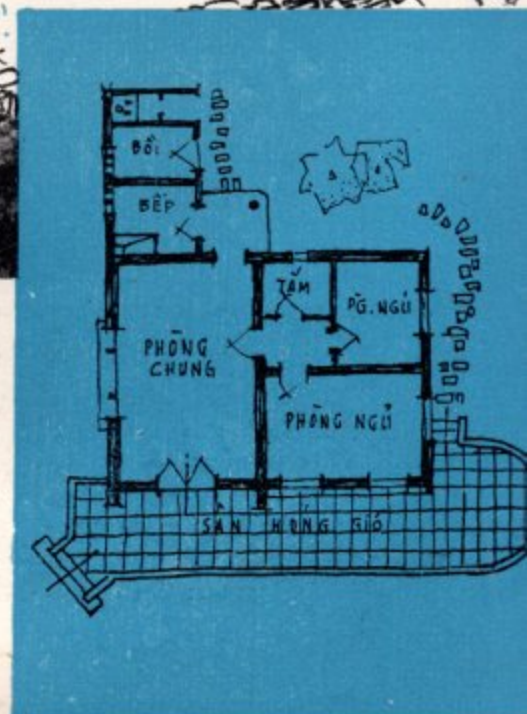
Hai thí-nghiệm trên đủ làm chúng ta tin-tưởng được vào « việc kỹ-nghệ-hóa » sự xây cất nhà ở.



Căn nhà này gồm một phòng
lớn dùng làm phòng chung
(ăn và tiếp khách) $4m \times 7m$
Bên cạnh là 1 buồng ngủ lớn
 $3m50 \times 5m$ và 1 buồng ngủ
nhỏ $3m50 \times 3m$. Có phòng rửa
mặt, tắm và cầu tiêu. Sau nhà
là bếp, phòng phơi và cầu tiêu
riêng.

ỘT KIỂU NHÀ CHO BỜ BIỂN

của Kiến Trúc sư Võ Đức Diên





MỘT BỨC TRANH SƠN MÀI DO SINH VIÊN CỦA TRƯỜNG SÁNG TÁC

Trường
**MỸ
NGHỆ**
BÌNH
DƯƠNG

THÀNH lập từ năm 1901, nhà trường đã đào luyện được nhiều tay thợ khéo về sơn mài, điêu khắc, đóng đồ mộc cùng vẽ kiểu và trang trí.

Cũng có nhiều người nhờ nghề nghiệp tinh thông mà trở nên triệu phú như Thanh Lễ, Phát Anh, Lai Leaux, Sông Gianh v.v...

Người ngoại quốc khi đến thăm Việt Nam đều đã chú ý đến những nét tinh xảo trong các đồ điêu khắc và sơn mài thuộc loại trang trí của ta.

Đó là nhờ công phu đào luyện của trường Mỹ Nghệ Bình Dương này.

Trường có 4 Ban chuyên môn chia làm 13 lớp :

- Ban Tế-mộc-công
- Ban sơn-mài
- Ban Điêu-khắc
- Ban Vẽ kiểu Mộc và Trang-trí.



Mỗi Ban có 1 lớp đệ nhị, 1 lớp đệ tam, 1 lớp đệ tứ và 1 lớp đệ nhứt niên chung của tất cả 4 Ban.

Trường thu nhận những học sinh nam và nữ từ 15 tuổi trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 của năm nhập học.

Hàng năm vào tháng 7 đều có một cuộc thi tuyển để cấp học bổng. Thí sinh dự thi tại các trường Nam Tiểu-học của các tỉnh trong Nam-Phần.

Mỗi khóa học là 4 năm. Sau một năm chung học lớp đệ nhứt niên, các giáo sư tùy theo khả năng của các học viên, chia các em hướng về 1 trong 4 ngành chuyên môn : tế-mộc-công, sơn-mài, điêu-khắc và Vẽ kiểu Mộc và Trang-trí.

X.D.M.



BÉTÔNG CỐT SẮT

Bài của Kiến Trúc Sư NGŨ-KHẮC-TRÂM

SỰ QUAN TRỌNG CỦA VIỆC ĐẶT SẮT

Bạn nào đã từng đi kiểm-soát các công-trường đúc bê-tông cốt sắt đã có dịp nhận thấy nhiều sự cầu-thả trong việc đặt sắt. Trong khi đặt sắt, thợ sắt thường chỉ chú-trọng đúng số đã ghi trong bản-đồ, chứ họ ít khi để ý đặt sắt cho đúng vị-trí cần-thiết. Có khi họ dùng cả một viên gạch « to tướng » để kê sắt làm cho thanh sắt cao 3, 4 phân hơn vị-trí phải đặt. Nếu buộc họ sửa chữa lại thì họ tuân theo một cách rất miễn-cưỡng, với vẻ mặt oán trách và nếu sơ ý không kiểm-soát chặt chẽ thì họ cứ để y nguyên như cũ mà đúc bê-tông bừa vào. Họ chưa hiểu rằng sắt đặt không đúng chỗ có thể làm cho công-tác bằng bê-tông cốt sắt giảm bớt sức chịu đựng rất nhiều. Việc đặt sắt cho đúng rất quan-trọng vì có nhiều công-tác bằng bê-tông cốt sắt đã bị sụp đổ không phải vì đặt thiếu sắt, đúc thiếu xi-măng hay đầm không kỹ mà chỉ vì đặt sắt không đúng chỗ.

ĐẶT SẮT THẾ NÀO MỚI GỌI LÀ ĐẶT ĐÚNG ?

A) Tính-chất bê-tông cốt sắt. — Trước hết cần nói sơ qua tính-chất của

bê-tông cốt sắt. Bê-tông cốt sắt gồm hai phần : phần bê-tông đúc (sạn, cát và xi-măng) và phần sắt. Bê-tông chỉ chịu được sức ép (effort de compression) chứ không chịu được sức kéo (effort de traction), hoặc nói cho đúng, chỉ chịu một sức kéo rất nhỏ mà thôi ; vì vậy để chịu đựng được cả sức ép và sức kéo (trong phạm-vi bài này chưa bàn đến sức cắt : effort tranchant), hầu có thể đem áp-dụng vào các công-tác, cần phải thêm sắt vào bê-tông, do đó mới có vật liệu bê-tông cốt sắt. Nhưng vì mục-dịch tiết-kiệm, sắt chỉ nên đặt ở những nơi cần-thiết mà thôi. Nếu đặt sắt tại những nơi mà riêng bê-tông đã đủ để chịu sức ép thì sắt thừa ra, hao tổn vô ích. Còn ở những nơi chịu sức kéo mà không đặt sắt, bê-tông không đủ sức để chịu đựng, công-tác sẽ bị sụp đổ.

B) Thí-nghiệm. — Chúng ta có thể làm những cuộc thí-nghiệm như chỉ dẫn ở những hình vẽ : Ha_1 , Ha_2 , Ha_3 , Ha_4 và Ha_5 .

Chúng ta thấy rằng dưới sức nặng P cái dầm AB (AB có thể là một thanh gỗ) sẽ bị nứt ở những điểm M như ghi rõ trong các hình vẽ.

Do sức nặng P, trong dầm AB phát sinh ra những sức ép và sức kéo, chính những sức kéo này, vì quá mạnh đã làm cho cái dầm bị nứt và gãy.

Phạm-vi nhỏ hẹp của bài này không cho phép trình bày đầy đủ chi-tiết sự phân-phối các sức ép và sức kéo trong các thớ (fibre) của cái dầm, nhưng căn-cứ vào các điểm nứt M chúng ta có thể biết được một cách sơ lược sức kéo đã phát sinh tại những phần nào của cái dầm :

1) Trường-hợp cái dầm đặt theo hình Ha_1 :

Sức kéo ở phần dưới cái dầm và mạnh nhất ở điểm M (điểm M là điểm giữa của AB và ở tại mặt phẳng dưới cùng của cái dầm).

2) Trường-hợp cái dầm đặt theo hình Ha_2 :

Trường-hợp này khác với trường-hợp thứ nhất vì hai đầu cái dầm bị kẹp (encastrement) theo một đoạn ab.

Theo trường-hợp thứ nhất, dưới sức nặng của P, cái dầm oằn xuống, hai đầu vì không bị kẹp có thể nhô lên, còn trong trường-hợp thứ hai, hai đầu bị kẹp (bị chèn), không di-chuyển được, do đó cái dầm ngoài điểm M_1 ở chính giữa, còn có hai điểm M_2 ở hai đầu bị nứt ; vì vậy có thể kết luận : sức kéo phát sinh ở đoạn giữa tại phần phía dưới cái dầm, còn ở hai đầu, tại phần trên của dầm.

3) Trường-hợp cái dầm đặt theo hình Ha_3 :

Cái dầm một đầu kê theo hình Ha_1 và một đầu bị kẹp theo hình Ha_2 . Ở đầu bị kẹp, sức kéo phát sinh phía trên, còn tại các phần còn lại của cái dầm, sức kéo đều ở phía dưới.

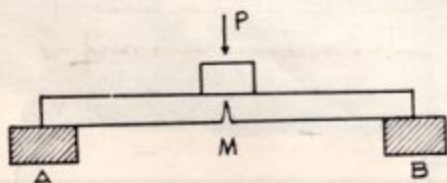
4) Trường-hợp cái dầm đặt theo hình Ha_4 :

Một đầu bị kẹp, còn đầu kia không tựa điểm nào. Sức kéo nằm ở phần trên và mạnh nhất ở điểm M (trong mặt phẳng trên hết).

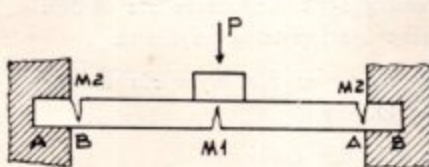
5) Trường-hợp cái dầm đặt theo hình Ha_5 :

Đoạn giữa (BC) hoàn toàn giống như trường-hợp Ha_2 và hai đoạn hai đầu AB và CD hoàn toàn giống như trường-hợp Ha_4 .

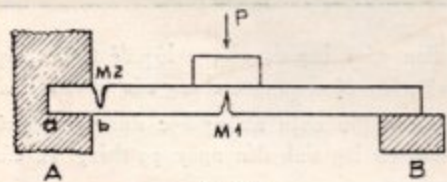
C) Cách đặt sắt. — Trên đây chúng ta đã biết rõ sức kéo phát sinh tại những phần nào của cái dầm. Vậy muốn đặt sắt cho đúng, sắt phải đặt tại những điểm có phát xuất sức kéo y như chỉ dẫn ở các hình vẽ sau :



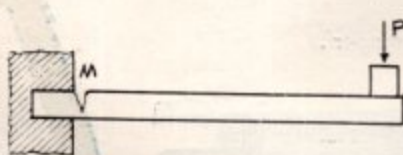
Ha_1



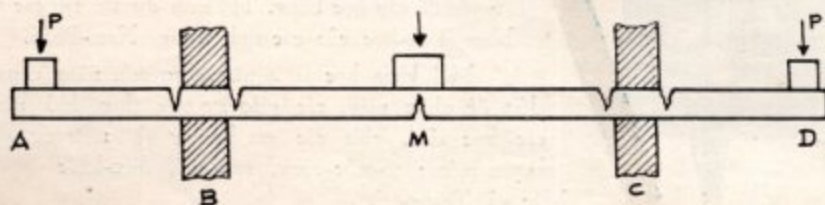
Ha_2



Ha_3



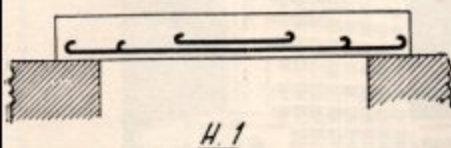
Ha_4



Ha_5

1) Trường-hợp thứ nhất :

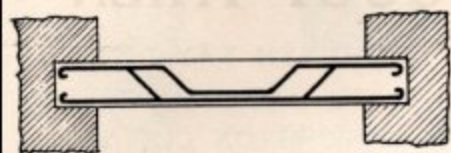
Sắt đặt phía dưới và có thể rút bớt sắt dần dần về hai đầu. (H.1)



H.1

2) Trường-hợp thứ hai :

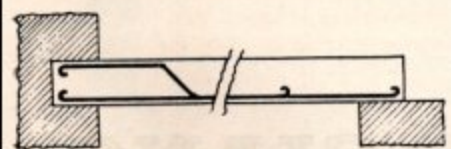
Đoạn giữa sắt đặt phía dưới, nhưng đến hai đầu, một phần sắt uốn lên để được đặt lên phía trên vì sức kéo ở hai đầu yếu hơn sức kéo ở phía giữa, số sắt ở hai đầu (mặt trên) lẽ đương nhiên kém hơn số sắt ở giữa. (H.2)



H.2

3) Trường-hợp thứ ba :

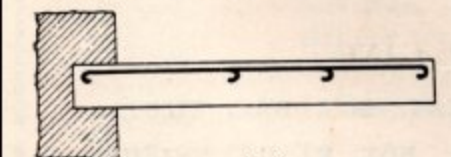
Đầu bị kẹp, sắt phải uốn lên vì sức kéo phát sinh ở phía trên. (H.3)



H.3

4) Trường-hợp thứ tư :

Sắt đặt ở phía trên nhưng có thể rút bớt dần dần từ M đến P vì sức kéo nhỏ dần từ M đến P. (H.4)

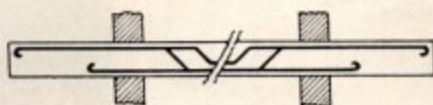


H.4

5) Trường-hợp thứ năm :

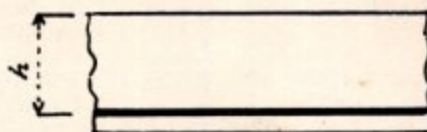
Sắt đặt như ghi trong hình vẽ, theo các trường-hợp kê trên, sức nặng P là một lực thẳng đứng theo chiều từ trên đi xuống. Ngoài ra còn có trường-hợp lực P có thể theo chiều từ dưới đi lên, (ví dụ sức đẩy của đất vào các nền móng) hoặc trường-hợp lực P có hướng ngang hay xiên góc như đất ép vào tường giữ đất (mur de soutènement), nước ép vào mặt chung quanh của bể nước hay không khí ép

vào vỏ một phi-cơ v.v... — tùy theo hướng và chiều của lực P, cách đặt sắt như đã chỉ dẫn ở năm trường-hợp trên phải xoay lại cho phù-hợp với hướng và chiều của P. (H.5)

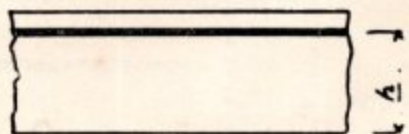


H.5

Trên đây đã chỉ rõ tùy mỗi trường-hợp sắt phải đặt, hoặc ở dưới, hoặc ở trên để chịu sức kéo. Nhưng cần lưu ý một điểm quan-trọng là nếu đặt ở phía dưới, sắt phải đặt thật thấp (H.6), còn đặt ở phía trên, sắt phải đặt thật cao (H.7), để tăng chiều cao hữu dụng h (hauteur utile) của đà và như vậy tăng được sức chịu đựng (résistance) của đà vì h càng cao, sức chịu đựng của đà càng tăng.



H.6



H.7

Nhưng ta không thể đặt sắt sát mặt cốt-phá được, vì như vậy sắt không có gì bao bọc ở ngoài, không khí sẽ làm cho sắt rỉ và yếu sức. Muốn cho sắt khỏi bị không khí làm hư hỏng, cần phải bọc ngoài một lớp bê-tông dày ít nhất là hai phân (2cm). Để thỏa-mãn điều-kiện này, trong khi đúc bê-tông của các tấm đan, người ta thường dùng để kê sắt những « cục » nhỏ bê-tông đúc với cát và xi-măng theo lượng-độ hồ 500kg (bề mặt 3cm x 3cm, bề cao từ 2cm đến 2cm5), hoặc dùng những viên sạn nhỏ từ 2cm đến 2cm5, cũng có khi dùng những nẹp sắt của thùng xi-măng cắt ra từng miếng nhỏ uốn thành hình nón cụt (tronc de cône) cao độ 2cm. Như vậy lớp bê-tông phía dưới sẽ dày ít nhất 2cm và sắt không đặt quá cao. Còn muốn kê sắt để đúc đà, cần phải tính thêm đường kính của các ê-tô-ri-ê (étriers), để lớp bê-tông phủ kín các ê-tô-ri-ê ít nhất 2cm.

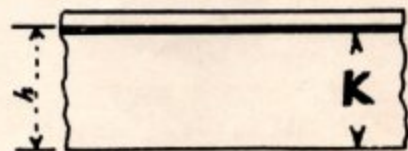
Một điểm cần được lưu ý, không nên dùng những viên sạn lớn hay những viên

gạch kích-sù để kê sắt, vì như vậy, chiều cao hữu-dụng h của đà bị rút ngắn và công-tác bê-tông cốt sắt sẽ giảm sức chịu đựng rất nhiều. Cách kê sắt quá cao như vậy thêm một sự bất lợi khác là lớp bê-tông phía dưới quá dày không ích lợi gì mà lại làm cho cái đà chịu thêm một sức nặng vô ích.

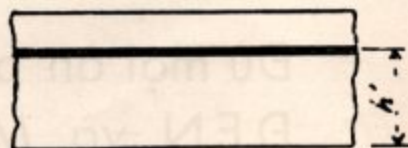
Một điểm khác cần được lưu ý là khoảng cách các thanh sắt phải đủ rộng để sạn đúc có thể lọt vào, nếu sạn không lọt vào được, trong bê-tông sẽ có những lỗ trống làm yếu bê-tông và bê-tông dễ gãy.

Ngoài ra, tôi nhận thấy cần bàn kỹ hơn về trường-hợp Ha3 (trường-hợp các bao-lơn, mái dôi v.v...) vì nhiều tai-nạn đã xảy ra chỉ vì đặt ngược sắt.

Sắt cần đặt mặt trên và thật cao với điều-kiện có đủ lớp bê-tông 2cm để phủ sắt. Nếu không đặt sắt tại D1 để có bề cao hữu-dụng bằng h, mà đặt sắt tại D2 để có bề cao hữu-dụng chỉ bằng h' — vì h' < h, sức chịu đựng của bê-tông cốt sắt bị giảm rất nhiều. Do đó, chúng ta thấy rằng với một số sắt như nhau, nếu đặt không đúng chỗ, sức chịu đựng của công-tác thay đổi rất nhiều, và có khi không đủ sức để xảy ra tai nạn.



D.1



D.2

KẾT LUẬN

Cách đặt sắt như đã trình bày trên, rất quan trọng, không thể đặt sắt và kê sắt một cách cầu-thả được. Các thợ sắt phải hiểu họ có một trách-nhiệm rất nặng nề. Nói tóm lại, bê-tông cốt sắt là một môn rất phức-tạp. Cần phải hiểu rõ mới có thể tính đúng và áp-dụng đúng. Người không hiểu, muốn dùng đến vật-liệu này phải nhờ nhà chuyên-môn chỉ vẽ dùm không nên đem dùng một cách cầu thả, thiếu sự tính toán cẩn-thận. Nhiều tai-nạn đã xảy ra buộc mọi người phải thận-trọng trong khi dùng đến vật-liệu ấy.

NGÔ KHẮC TRÂM

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM NHẤT
MỘT NHÀ IN CÓ TÍN NHIỆM NHẤT

NHÀ IN ĐÔNG-NAM-Á

(NGUYỄN TRƯỚC LÀ NHÀ IN ARDIN)

Sáng lập từ năm 1868

49 - 59, Đường Thái - Lập - Thành, Saigon

Giấy số : 21.874

nhận in :
Đủ mọi ấn phẩm
ĐEN và MÀU
bằng
TYPO và OFFSET

“ XÂY DỰNG MỚI ”

Sở này in tại
NHÀ IN ĐÔNG-NAM-Á



NHÀ THẦU KHOÁN
CÓ TÍN NHIỆM NHẤT :

TRẦN QUỚI THIÊN

CHUYÊN XÂY DỰNG
NHÀ LẦU, NHÀ TRỆT
NHÀ BÉTON CỐT SẮT



108, Đường Cao Thắng Saigon — Đ. T. 22.355

TÂY GIANG THƯ'ONG - CUỘC

NHẬP - CẢNG :

ĐƯỜNG CÁT, SỮA ĐẶC, TƯƠI,
BỘT v. v... BỘT MÌ VÀ NHIỀU
LOẠI THỰC - PHẨM KHÁC

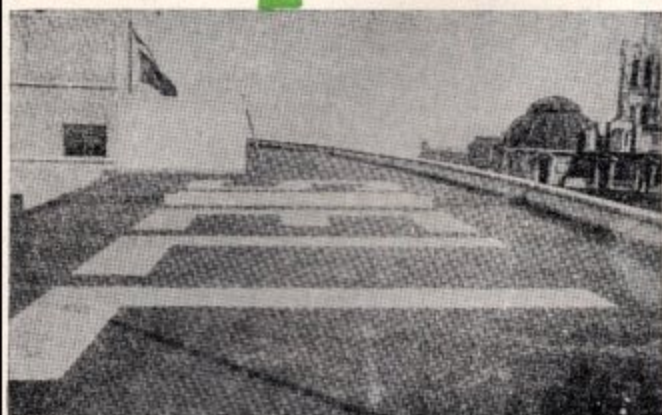
XUẤT - CẢNG :

MỀ - CỐC

148, Đường Nguyễn - Công - Trứ

Điện thoại : 21.945 — SAIGON

Ne coulant pas à la chaleur, subissant sans déformation les variations atmosphériques et les intempéries, les émulsions FLINTKOTE sont tout à fait indiquées pour l'étanchéité de :
toitures - terrasses chéneaux, gouttières
combles paraboliques souches de cheminées
béton translucide relevés divers etc...



Dans les cas d'applications sur surfaces humides, les émulsions FLINTKOTE adhèrent parfaitement et présentent les avantages d'une application facile à froid, évitant les inconvénients inhérents au chauffage du matériaux.

Les applications types sont :
murs de fondation canalisations, égouts
murs humides murs de barrage
caves, celliers murs de quai
citernes et réservoirs piscines, salles de bain
etc...



Les Emulsions **FLINTKOTE**
sont distribuées au Viet-Nam et
au Cambodge
par la Société **SHELL**



Employées pour la confection et la réparation de dallages, les émulsions FLINTKOTE présentent les principaux avantages suivants :

- résistance parfaite aux trafics les plus durs sans fissuration ni décollement.
- non poussiéreux, non glissants et sans odeur.
- insonores et agréables au pied.
- insensibles aux vibrations.

Les applications types sont :

quai de chargement	ateliers de machines
halls de roulage	stockage des aliments
quai de gare	sols anticorrosifs etc...

ÉTANCHÉITÉ . ISOLATION . PROTECTION-ANTICORROSIVE

TAI NẠN THƯỜNG XẢY RA KHI ĐỔ BÊ TÔNG CỐT SẮT

(Tiếp theo kỳ trước)

Bài của Kỹ sư TRẦN TRỌNG TOÀN

Trên chúng tôi đã nói về cách đặt sắt nhưng có những sự lầm lẫn nguy hại gấp trăm lần sự đặt sắt ngược, sự thiếu cân bằng. Một mái hắt bằng bê-tông dù đã đặt sắt và đã đổ bê-tông sạn đúng kỹ thuật đến đâu khi tới ngày gỡ cốt pha cũng có thể bị lật nhào dễ dàng, vì đan đặt thiếu cân bằng.

Đan hắt đặt thiếu cân bằng là những đan đã đặt chông chênh không có một sức nặng cần thiết chận lên chân đan để cho đan khỏi vòng lên.

Tỉ dụ ta lấy 1 tấm ván đặt lên trên bàn và cho đưa một đầu ra khỏi mặt bàn. Tấm ván (coi như tấm đan bê-tông), gỗ đủ sức cứng rắn không thể gãy được, nhưng nếu ta không lấy mấy viên gạch chận lên trên đầu ván phía trong bàn thì khi tấm ván nhô ra ngoài quá mức là tự vòng lên và rơi xuống đất.

Như vậy thật là dễ hiểu. Nhưng khốn thay khi xây dựng nhiều người đã quá coi thường : đan thì muốn nhô ra xa mà tường xây chận ở trên đan lại xây thấp quá, không đủ sức nặng cần thiết để đè đan, thành ra cả mảng đan phải bật đổ xuống là lẽ dĩ nhiên vậy.

Khi ta xây tường bằng gạch thể dày 20 phân, và nếu ta muốn đổ đan hắt 80 phân thì ít ra ta phải xây tường chận lên trên cao ít nhất là 2 thước.

Nếu tường có cột bê-tông cốt sắt, thì tường xây chận ở trên không cần thiết, nhưng thay vào đó phải có đà giằng cho đủ kích thước để chịu đựng nổi sức vặn (torsion).

Trường hợp mất cân bằng thứ hai : Tuy ở trên có tường hay sàn bê-tông nén xuống, nhưng ngay ở trên đan có để những lỗ thông gió bằng những hoa xi măng mỏng manh nên khi tháo ván cốt

pha, đan có sức đẩy lên làm gãy các hoa xi măng ấy và lật nhào xuống.

Còn có nhiều nơi làm cầu thả xây tường thì xây bằng gạch lỗ rồi cũng đưa con-sơn ra ngoài để làm bao lơn. Dưới sức nặng của bao lơn, con-sơn nén xuống gạch lỗ nên gạch bị bể và bao lơn bị gục xuống.

Cũng có những trường hợp con-sơn chôn vào tường quá nông, hay mảng tường trên quá nhẹ không đủ sức chận chân con-sơn nên con-sơn bị lật làm đổ cả bao lơn hay mái hắt gây tai nạn khủng khiếp.

Nói tóm lại, trong công tác đổ bê-tông, xây dựng nhà cửa ta nên đặc biệt lưu ý tới những phần công tác nào đưa ra ngoài tường, vì phần lớn các công tác ấy là nguồn gốc của những tai nạn đáng tiếc.

TRẦN TRỌNG TOÀN

PHÒNG KIẾN - TRÚC - SU

VŨ - BÁ - ĐÌNH

NHẬN LÀM TẤT CẢ
MỌI CÔNG VIỆC VỀ
KIẾN-TRÚC



SAIGON : 96, Sương Nguyệt Anh
CHOLON : 45, Nguyễn Duy Dương

Điện Thoại : 23.201

**LANG
DIEU**

NHẬN LÃNH ĐẶT NƯỚC
Tại CÔNG-SỞ và TƯ-GIA

13, Huỳnh-Thúc-Kháng - Saigon - Tél. 23.517

LÊ - NGỌC - VÂN

Chuyên làm mô hình kiến-trúc
bằng gỗ và thạch cao



24/31, Trần-Quang-Khải — SAIGON

ĂN NGHĨA LÀ GÌ ?

(Tiếp theo trang 20)

Ăn kiêng là ăn giữ gìn khi đau yếu. **Ăn khem** là ăn mà còn sợ tốn kém (lúc chết không nhắm mắt được phải cúng khem) **Ăn dụng** là ăn rồi chia nhau chịu tiền. **Ăn đong** là ăn bữa nào mua bữa nấy. **Ăn bám** là ăn nhờ khi người ta không muốn. **Ăn báo** là ép người ta phải nuôi mình ăn. **Ăn chực** là ăn nhờ ở lòng thương hại của người ta. **Ăn gửi** là tạm thời ý ra đây mà ăn (ăn gửi nằm nhờ). **Ăn xồi** là ăn qua loa xong chuyện thì thôi (ăn xồi ở thì). **Ăn mảnh** là đi kiếm thứ chơi riêng một mình. **Ăn bữa** là ăn mà không chịu trả tiền. **Ăn quýt** là ăn mà không thêm trả tiền. **Ăn lường** là gạt người ta để ăn rồi không trả tiền. **Ăn bèo** là lấy phần công mồi lái khi bán giúp một món hàng vật. **Ăn bớt** là lấy bớt một phần tiền chi phí.

Rồi **ăn cắp** là lừa lúc người ta vô ý nhót lấy một đồ vật gì của người ta. **Ăn trộm** là lên vào nhà lấy đồ của người ta. **Ăn cướp** là rủ rê đông người đến nhà người ta phá phách để cướp đồ đem đi.

Tiếng ăn quả là một tiếng kỳ lạ. **Ăn thông lưng** trong lúc đánh bài là lên đưa quân cho nhau đằng sau lưng. Nhưng nhà có cửa **ăn thông ra ruộng** thì lại là cửa đi ra ruộng.

Ấy chỉ mới là phần lớn những nghĩa mà các tự điển đã quên chưa vào. Chớ nếu lấy hết nghĩa của tự điển và của các câu tục ngữ thì phải đến mười bài như thế này mới đáng hết. (1)

LÊ-VĂN-SIÊU

(1) Lời chú thêm: Trong khi làm Tự điển bách khoa Việt-Nam, tôi đã có dịp nghiên cứu thấy ta có rất nhiều tiếng vẫn nói và nói ra ai cũng vẫn hiểu mà các tự điển đã không ghi và không giải nghĩa. Những tiếng ấy, tôi ước chừng có đến 50 phần 100. Nếu không có một công phu làm ngay một bộ tự điển Việt-Nam cho đầy đủ thì chỉ vài thế hệ người nữa quên dần đi, ắt là tiếng Việt-Nam của ta sẽ bị nghèo đi 50 phần 100 vậy.

GUỒNG TẮT NƯỚC TỰ-ĐỘNG

(Tiếp theo trang 24)

Rót hết nước rồi, ống lại từ từ được dẫn xuống mặt nước để vực nước mới đưa lên.

Khi nước rót ra như vậy, người ta đã làm sẵn cái máng để hứng. Máng đặt dọc theo mặt guồng nước, cho chảy nước vào một máng cái đặt ngang trước cả dãy bánh xe.

Máng cái hứng lấy nước ở các máng con rồi cứ thế cho nước chảy truyền đi. Nước chảy mạnh như nước suối, suốt ngày đêm như vậy. Máng bằng tre đan có trét dầu rái ngang đến 1m. sâu đến 0,50 trung bình khi nước sông chảy không mạnh lắm thì mực nước trong máng độ 20 phân còn khi nước ròng, guồng quay nhanh, nước đổ ra nhiều thì chắc mực nước trong lòng máng có thể tới 40,50 phân. Máng ấy được đỡ trên một cầu tre bắc từ mặt sông vào đến bờ dề dài ước 50m. Rồi từ trong bờ dề người ta đào mương để tiếp đón nước ấy mà dẫn đi xa đến vài ba cây số.

Như vậy là người ta đã có thể đem nước từ dưới sông lên máng cao 15 hay 16 thước.

Tùy theo những xã lớn nhỏ và tùy theo số nước muốn lấy vào ruộng, người ta đã dùng số guồng ráp với nhau. Có nơi chỉ dùng hai ba guồng. Có nơi dùng đến mười guồng (như trong hình chụp) trông đồ sộ như một cái máy vĩ đại. Thật là một việc không ai ngờ vậy.

Những guồng này thường đặt từ tháng 2 đến tháng 10 là hồi ít mưa, ruộng thiếu nước. Đến tháng 10 thì lại rẽ guồng đi cất vào trại để sang sửa đến năm năm mà dùng. Khi đặt guồng thì trong trại hàng xã đã nuôi sẵn hai ba người dân phu ngày đêm ở đó canh gác, và như có gì trục trặc thì sửa chữa liền ngay.

Cách dẫn thủy nhập điền này không tốn kém bao nhiêu mà kết quả thật đã hết sức lớn.

Đường đi VEN BIỂN

(Tiếp theo trang 41)

Ngũ Hành Sơn

Người ta biết tên chùa Non-Nước nhiều hơn là tên Ngũ-Hành-Sơn. Trông xa xa, nó gọi cho khách liên tưởng đến Ninh-Bình, đến chùa Non-Nước. Và đến gần vào trong, những nhũ đá, những hang (Hang Âm-Phủ) những động (Động Huyền-Không), với những thơ trên vách đá, những cây cổ bèn đường, nó cũng khiến ta vui bớt nỗi nhớ nhung Chùa Hương, Chùa Trăm ở miền Bắc.

Đường ra Huế

Trên đường từ Đà-Nẵng ra Huế, phải qua đèo Hải-Vân là nơi danh thắng nhất trong nước.

Đèo dài khoảng 20 cây số. Hết đèo đến Huế còn 69 cây số nữa.

Lang Cô

Ngay dưới chân đèo là Lang-Cô, tổ sản của sò huyết. Trông xa xa như một cái làng nổi trên giữa mặt nước biển bao la. Cây cối xanh tươi, nhà ngói, nhà tôn, dừa, bãi cát trắng, nước xanh, thuyền bè san sát. Những cái vó phoi ở ven bờ. Những nhà sàn nhỏ nhỏ giữa vũng như ngồi chờ giờ để kéo vó. Mây bay trên lưng chừng núi. Gió thổi hiu hiu. Vài tảng đá lớn in màu đen trên mặt nước trong xanh. Đường và cầu đi ngang Lang-Cô nuốt nà như những nét bút vờn trên giấy.

Ta tưởng tượng vào những buổi sáng mùa đông, sương phủ Lang-Cô, có những cánh buồm theo mặt trời ra bề thì cảnh sẽ đẹp đến thế nào ?

Đồng ruộng phì nhiêu

Khỏi Lang-Cô xe đi, nhìn lên núi cổ non mọc như trái tím thâm thẫm. Nhờ ánh nắng, tím thẫm ấy lung linh chỗ đậm chỗ nhạt, chỗ xẫm chỗ tươi, như tà áo nhung lượn trước gió xuân.

Đẹp hơn nữa là những đồng lúa xanh tươi mà gió vờn trên ngọn lúa, rập rờn như những lượng sóng xanh đuổi nhau đến tận chân núi xa xa. Bò vàng, trâu đen chen chúc nhau ăn cỏ. Cây cối bao bọc làng xóm và trang trại, cánh lá xum-xê như có người hàng ngày tưới tắm.

Và đây, một vài người đàn bà đội nón lá, mặc áo dài thâm, nổi cửa tay màu trắng, gánh một gánh hàng và dẹo dãi đi ở bên đường thiên lý.

Huế là những người đàn bà cần cù ấy. Cần cù mà không rời cái áo dài chững chạc, vất vả mà không mất nụ cười duyên, dưới cái nón lá nghiêng nghiêng, người đàn bà Huế duyên dáng vẫn thắm nhuần cái tình sâu đậm của mình lên đất thân-kinh, cùng với những giọt mồ hôi của mình.

CHÂN NHƯ



KHAI THÁC
LÂM SẴN
KỸ NGHỆ ĐỒ GỖ
CUNG CẤP VẬT LIỆU
THẦU - KHOẢN
TRANG HOÀNG
KIẾN TRÚC
NHÀ CỬA

XIN MỜI LẠI:

PHẠM BỬU

CÔNG TY

14, Bến Chương Dương — SAIGON — Đ.T. 23.193

NEON MINH-TÂN

CÓ ĐỦ CÁC KIỂU ĐÈN TỐI TÂN

NHẬN LÃNH MẮC ĐIỆN TẠI
TƯ GIA VÀ CÔNG SỞ

Điện Thoại: 22.920

432, Hai Bà Trưng, SAIGON

HĂNG THẦU
KIẾN TRÚC

NGUYỄN VĂN XE

193, Đường nhỏ Hai Bà Trưng

CÁI KHÉ - CẦN THƠ

TÙ-KHÁNH-HU'ÔNG

**THẦU-KHOẢN
KIẾN TRÚC**

59, Đường YÊN-ĐỒ — SAIGON

MỌI CÔNG TÁC XÂY
DỰNG CÔNG VÀ TƯ

Quý vị hãy giao cho hãng

TRẦN-BÚT-SO'N

THẦU KHOẢN KIẾN TRÚC

Văn Phòng:
95, Ng.-Thái-Học — SAIGON



**DINH THỤ'
NHÀ CỬA
CẦU CỒNG**

Xin Quý vị giao cho
NHÀ THẦU KIẾN TRÚC

NGUYỄN NGỌC NGOẠN

36-38 Đường Bùi Chu — Saigon

- ◆ Một dịp làm giàu mau chóng và lương thiện!
- ◆ Một cách góp phần xây dựng Văn Hóa Việt Nam

XỔ SỐ KIẾN THIẾT

Loại đặc biệt

“Công tác xây cất Trường Đại Học Đalat”

SÉ MỞ TRONG DỊP
THIÊN CHÚA GIÁNG SINH
1958

Lô Độc Đắc : 3 Triệu đồng

Đồng bào hãy đón mua ngay từ bây giờ

Giá mỗi vé 20\$00



vt.57



hăm năm trong cõi người ta
Biểu Số Kiến Thiết mới là quý nhà

Giá: 20 đ